

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NGÃI (RUDEP) - GIAI ĐOẠN 2

Báo cáo Đánh giá năng lực thành thạo Thú y viên



VIỆT NAM - ỒXTRÂYLIA

Đệ trình

AusAID

Đại sứ quán Ồxtrâylia
8 Phố Đào Tấn
Quận Ba Đình
Hà Nội, VIET NAM

8 tháng 1 năm 2005

42443858

Thực hiện bởi:

Công ty Phát triển bền vững URS
với sự tham gia của Kellogg Brown & Root và

Các nhà tư vấn và quản lý dự án
Dịch vụ quản lý dự án toàn cầu
Adelaide Ồxtrâylia

CƠ QUAN TÀI TRỢ

AusAID

Đại sứ quán Úc

8 Phố Đào Tấn, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Ph: +84 4 8317755/Ext 210 (Chuyên viên Chương trình), Fax: +84 4 8317706

ĐỐI TÁC CHÍNH

Sở Kế hoạch-Đầu tư

96 Nguyễn Nghiêm, thị xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 825701

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

37 Phạm Văn Đồng, thị xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 816265-6, Fax: +84 55 816260

NHÀ THẦU QUẢN LÝ ÚC

25 North Terrace

Hackney SA 5069

Ph: +61 8 8366 1000, Fax: +61 8 8366 1001

Quản lý Chương URS Australia Pty Ltd
trình: Dee Hartvigsen 25 North Terrace, Hackney
Dee Hartvigsen South Australia 5069 Australia
Quản lý các dự án quốc tế Tel: 61 8 8366 1000
Fax: 61 8 8366 1001

Giám đốc
Chương trình: Ted A' Bear
Phó Chủ tịch
Sustainable Development

Ngày tháng: 8 Tháng 1 Năm 2005
Tham chiếu: 42443858
Phiên bản: Dự thảo

Giới hạn trách nhiệm

Công ty trách nhiệm hữu hạn URS Australia chuẩn bị báo cáo này cho Cơ quan Phát triển quốc tế Úc (AusAID) sử dụng phù hợp với phạm vi công việc và mục đích được đề ra trong Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) – Hợp đồng Giai đoạn 2 giữa URS và AusAID.

Báo cáo này cần phải được đọc và xem xét một cách đầy đủ. Tác giả báo cáo sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc sử dụng bất cứ phần nào của báo cáo trong hoàn cảnh và cho mục đích khác hoặc do các bên thứ ba sử dụng.

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT	iii
Tổng quát	iv
1 Mở đầu	1
2 Hệ Phương pháp	2
2.1 Chương trình và hệ thống nâng cao năng lực thú y viên	2
2.2 Lược đồ mô tả năng lực thú y viên	2
2.3 Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên.....	3
2.3.1 Phương pháp đánh giá năng lực thành thạo thú y viên.....	3
2.3.2 Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên: <i>Các cấp độ đo lường năng lực thành thạo</i>	5
2.3.3 Tập huấn tập huấn viên về Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên	5
2.3.4 Tổ chức thực hiện Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên	6
3 Kết quả đánh giá năng lực thú y viên	7
3.1 Mức độ tham gia	7
3.2 Đánh giá sơ bộ về các dịch vụ thú y	7
3.3 Kết quả đánh giá năng lực thú y viên.....	9
3.4 Các kết quả chính và Ý nghĩa	15
4 Kết luận	17

CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên; Phần lý thuyết	4
Bảng 2: Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên; Phần thực hành.....	5
Bảng 3: Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên; Các cấp độ thành thạo	5
Bảng 4: Đối tượng từ các xã tham gia Đánh giá năng lực thú y viên.....	7
Bảng 5: Lịch thời gian xảy ra dịch bệnh ở vật nuôi tại 19 xã của RUDEP	8
Bảng 6: Lược đồ năng lực thú y viên: Tỉnh Quảng Ngãi.....	1
Bảng 7: Đề cương khóa TOT về Đánh giá năng lực thú y viên	9
Bảng 8: Kết quả đánh giá năng lực thành thạo; Thú y viên tại 14 xã RUDEP	12
Bảng 9: Kết quả đánh giá năng lực thực hiện cùng với nông hộ ở 19 xã thuộc RUDEP	13
Bảng 10: Kết quả đánh giá năng lực; Phần lý thuyết.....	1
Bảng 11: Kết quả đánh giá năng lực; Phần thực hành	2

BIỂU ĐỒ

Hình 1: Kết quả đánh giá năng lực thú y viên; 65 thú y viên tại 13 xã của RUDEP	10
Hình 2: Kết quả đánh giá năng lực thú y viên; So sánh năng lực thú y viên miền núi và đồng bằng	11
Hình 3: Phân tích then chốt về Đánh giá năng lực 65 thú y viên - phần Lý thuyết;	12
Hình 4: Phân tích chính yếu về Đánh giá năng lực 65 thú y viên - phần Lý thuyết; Xã miền núi và xã đồng bằng	12
Hình 5: Phân tích Đánh giá năng lực thú y viên; 65 thú y viên; Tất cả các xã	13
Hình 6: Phân tích Đánh giá năng lực thú y viên; 65 thú y viên; xã miền núi và đồng bằng	14
Hình 7: Kết quả đánh giá năng lực; 150 nông hộ tại 16 xã thuộc RUDEP	14

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Lược đồ năng lực thú y viên
Phụ lục 2: Hệ phương pháp đánh giá
Phụ lục 3: Đề cương khoá <i>Tập huấn tập huấn viên</i>
Phụ lục 4: Đánh giá sơ bộ các dịch vụ thú y
Phụ lục 5: Kết quả đánh giá năng lực thành thạo

TỪ VIẾT TẮT

AHS	Trạm Thú y (Huyện)
CPC	UBND xã
DPC	UBND huyện
HH	Hộ gia đình
PRA	Điều tra nhanh nông thôn có sự tham gia
RUDEP	Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi
SDAH	Chi Cục Thú Y
ToT	Tập huấn tập huấn viên

Tổng quát

Báo cáo này đề cập đến các kết quả của việc Đánh giá năng lực thành thạo Thú y viên cơ sở được RUDEP và Chi cục Thú y tiến hành tại 19 xã RUDEP (trên 65 thú y viên). Việc phân tích các kết quả từ đợt Đánh giá này chỉ ra các khía cạnh sau:

- Trong 65 thú y viên đang hành nghề tại 19 xã RUDEP có:
 - 38 thú y viên tại 5 xã đồng bằng
 - 27 thú y viên tại 8 xã miền núi
 - Có 6 xã miền núi chưa có thú y viên.
- Tại các xã đồng bằng, con số thú y viên là không đủ đáp ứng nhu cầu của nông hộ. Thú y viên ở các xã miền núi thì khó khăn trong việc hành nghề toàn thời gian do điều kiện thu nhập thấp của người dân nơi đây cộng với điều kiện cách trở đường xá đối với việc tìm mua thuốc thú y tại các thị trấn huyện lỵ.
- Trong số 65 thú y viên nằm trong diện Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên thì:
 - Không có thú y viên nào được đánh giá là đạt mức thành thạo¹.
 - 22 người (34%) được xem là ở mức độ yếu về trình độ và kỹ năng.
 - 25 người (38%) được đánh giá ở mức đáng quan tâm trong khung đo lường năng lực thành thạo.
 - Chỉ có 18/ 65 người (28%) được xem là đạt mức cần được củng cố thêm về mặt trình độ và kỹ năng.
- Thú y viên tại các xã đồng bằng nhìn chung đạt các mức kỹ năng và trình độ cao hơn so với số ở các xã miền núi.
 - 18 trong 28 thú y viên ở các xã miền núi (64 %) được đánh giá ở mức yếu
 - § Chỉ có 4 trong 38 thú y viên ở các xã đồng bằng (11%) được đánh giá ở mức yếu.
 - 17 trong 38 thú y viên ở các xã đồng bằng (45 %) là ở mức cần được củng cố.
 - § Chỉ có 1 trong 28 thú y viên ở các xã miền núi là ở mức cần được củng cố.
- Kiến thức về những khái niệm cơ bản về thú y và sinh lý học vật nuôi xem ra còn thấp, đặc biệt là ở số thú y viên các xã miền núi. Không có kiến thức cơ bản về các khái niệm ban đầu (ví dụ, thân nhiệt bình thường của heo, bò), có thể dẫn đến các chẩn đoán lệch lạc (chẩn đoán khác nhau) và đưa ra biện pháp chữa trị không đúng. Mọi khóa tập huấn thú y trong tương lai phải đề cập và củng cố các thành phần nguyên lý cơ bản về sinh lý học vật nuôi.
- Mặc dù kiến thức về lý thuyết ở một số trường hợp có thể cho là cao (ví dụ, ở thú y viên đồng bằng), các kỹ năng và năng lực thực hành là ở mức thấp mang tính chất đặc thù. Chẳng hạn, kiến thức về mục đích và công dụng của các loại vắc xin có thể cho là đạt; tuy nhiên các đánh giá trên thực hành lại cho thấy sự chuẩn bị và sử dụng vắc xin không đúng hoặc không đầy đủ.
- Kỹ năng chẩn đoán của các thú y viên là một quan ngại, đặc biệt là ở thú y viên miền núi, có năng lực rất yếu về chẩn đoán các bệnh ở bò, heo, gà. Nhìn chung, năng lực của thú y viên về chẩn đoán các bệnh trên gia cầm hoặc hiểu biết về giải phẫu gia cầm là hạn chế. Đáng phải nêu lên quan ngại về năng lực chẩn đoán đúng bệnh cúm gia cầm trong trường hợp có dịch.
- Kiến thức về vắc-xin và cách khử trùng ống và kim tiêm đáng ngạc nhiên là còn thấp. Mỗi năm hai lần, Chi cục Thú y kết hợp với các trạm thú y huyện và thú y cơ

¹ Yếu (Critical); Đáng lưu ý (Concern); Cần củng cố thêm (Consolidating); Thành thạo (Competent)

sở tiến hành các chiến dịch tiêm phòng ở từng xã. Kiến thức không phù hợp và cách khử trùng tiêm không đúng (ví dụ, sử dụng cồn) sẽ làm giảm tính hiệu quả của vắc-xin cũng như các chiến dịch tiêm phòng.

- Việc huấn luyện nông hộ thành thú y viên ở một số xã (đặc biệt là các xã miền núi), và một số thôn (đặc biệt ở các xã đồng bằng) nơi không có thú y viên là xác đáng. Việc duy trì tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật lâu dài là cần thiết. Các phương pháp tiếp cận tập huấn cần phù hợp với ngôn ngữ, trình độ biết đọc biết đếm và trình độ dân trí ở những xã dân tộc thiểu số. Mọi phương pháp tiếp cận nhằm nâng cao dịch vụ thú y thông qua tập huấn cho nông hộ để xử lý như thú y viên phải bắt đầu bằng sinh lý học vật nuôi cơ bản, các biện pháp phòng bệnh giản đơn (cải thiện tập quán chăn nuôi) và các phương pháp vắc xin phòng bệnh.
- Những khái niệm cơ bản về sinh lý vật nuôi và tác nhân gây bệnh phải tạo nền tảng cho mọi chương trình tập huấn và nâng cao năng lực thú y viên, và cho đến khi thú y viên đảm bảo thành thạo các lĩnh vực này thì mới xúc tiến sang các chủ đề điều trị cũng như những chủ đề cụ thể khác. Các khóa tập huấn phải áp dụng cả thông tin lý thuyết và thời gian phù hợp cho các thực hành và diễn tập. Các kết quả Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên cơ sở đã chỉ ra rằng về mặt kiến thức lý thuyết ở một số chừng mực là đạt mức cứng cố, nhưng trong thực hành thì chỉ ở các mức yếu hoặc đáng quan tâm.

1 Mở đầu

Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) và Chi cục Thú y (CCTY) đang khởi xướng một phạm vi hoạt động thú y tại các xã nghèo thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Chăn nuôi được xem là một hoạt động tạo thu nhập ưa thích của người dân nông thôn tuy nhiên sự xuất hiện các bệnh dịch theo thời vụ đã tác động lên năng lực tạo thu nhập bằng chăn nuôi của họ. Các hoạt động được RUDEP và CCTY thực hiện nhằm giảm nhẹ vấn đề này là:

- Các hoạt động tập huấn và nâng cao năng lực cho cán bộ CCTY và các trạm thú y huyện (AHS);
- Tổ chức thực hiện các khóa tập huấn về sức khỏe vật nuôi cho người dân theo các phương pháp tiếp cận tập huấn thực hành và có sự tham gia;
- Xây dựng các tài liệu kỹ thuật thú y (bò, gà và heo) cho nông hộ sử dụng để bổ sung cho các khóa tập huấn thú y.

CCTY đóng một vai trò then chốt về việc nâng cao năng lực cho thú y viên theo như chức năng hiện nay của họ; và kinh nghiệm và trình độ của các thú y viên hành nghề tại nhiều xã RUDEP thì không đồng đều. RUDEP và CCTY đã cùng thống nhất một cách tiếp cận cộng tác về nâng cao năng lực thú y viên với mục tiêu là cải thiện các dịch vụ thú y tại các xã và huyện RUDEP. Cách tiếp cận này phải toàn diện để cuối cùng có thể phát triển năng lực của tỉnh để nhân rộng những hoạt động như thế ra toàn tỉnh.

Hệ thống nâng cao năng lực thú y viên đã được xây dựng mà phản ánh cách tiếp cận được áp dụng trong Hợp phần nâng cao năng lực của RUDEP (Hợp phần 3). Cách tiếp cận này bao gồm trình tự sau:

1. Xây dựng lược đồ mô tả năng lực cần có;
2. Đánh giá mức độ năng lực thành thạo;
3. Chương trình tập huấn và nâng cao năng lực;
4. Phân tích nhu cầu tập huấn;
5. Thiết lập các khóa tập huấn;
6. Tổ chức tập huấn;
7. Xem xét và đánh giá kết quả.

Các lược đồ mô tả năng lực cần có đối với một thú y viên được dùng làm cơ sở cho Hệ thống nâng cao năng lực thú y viên và đã được xây dựng và nhất trí giữa RUDEP và CCTY. Các lược đồ năng lực này là nền tảng cho việc khởi xướng một Chương trình tập huấn và nâng cao năng lực thú y viên cơ sở.

Báo cáo này trình bày các kết quả của công việc Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên cơ sở theo một phương pháp kết hợp đánh giá cả về trình độ lý thuyết và thực hành. Công việc Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên cơ sở đã được tiến hành tại 19 xã RUDEP trên 65 đối tượng thú y viên. Dự định là các kết quả của Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên sẽ cung cấp nền tảng cho việc xây dựng một Chương trình cụ thể về Tập huấn và Nâng cao năng lực.

2 Hệ Phương pháp

2.1 Chương trình và hệ thống nâng cao năng lực thú y viên

Một Hệ thống nâng cao năng lực phải được lược thảo và nhất trí trước khi tổ chức tiến hành tập huấn cho thú y viên. Hệ thống nâng cao năng lực minh họa cho một cách tiếp cận tổng thể và các phương pháp sẽ được dùng để cải thiện kỹ năng và kiến thức của thú y viên. Nó áp dụng đề cương và cách tiếp cận chung ghi trong Cẩm nang Nâng cao năng lực của RUDEP (với các điều chỉnh cần thiết) và bao gồm các bước sau:

- **Lược đồ năng lực thú y viên:** Được xây dựng để xác định các mức kỹ năng và kiến thức mà thú y viên cần phải có để thực hiện công việc của họ có hiệu quả.
- **Đánh giá Năng lực thú y viên:** Được tổ chức thực hiện nhằm đánh giá các mức độ kỹ năng và kiến thức 'thực' của thú y viên chiếu theo Lược đồ năng lực thú y viên.
- **Chương trình tập huấn và nâng cao năng lực:** Được xây dựng theo các kết quả cũng như các lỗ hổng kỹ năng và kiến thức xác định từ Đánh giá năng lực thú y viên.
- **Phân tích nhu cầu tập huấn:** Được tiến hành để xác định ra các nhu cầu tập huấn đối với một chủ đề hoặc một khóa học cụ thể mà sẽ được tổ chức.
- **Thiết lập các khóa tập huấn:** Đảm bảo rằng các khóa tập huấn và tài liệu tập huấn đều được chuẩn bị trước.
- **Tổ chức tiến hành tập huấn:** Khóa tập huấn được tổ chức. Các kiểm tra đánh giá năng lực thành thạo đầu/ cuối khóa được thực hiện để đánh giá kết quả năng lực thành thạo mà học viên đạt được sau tập huấn.
- **Rà soát và đánh giá đợt tập huấn:** Được tiến hành để đánh giá nội dung khóa Tập huấn, các kết quả Đánh giá năng lực thành thạo trước và sau tập huấn và các đề xuất cho các khóa tập huấn trong tương lai.
- **Đánh giá năng lực thành thạo đầu/ cuối khóa:** Được tiến hành lâu nhất là 6 tháng sau khi kết thúc khóa tập huấn để xác định lại các mức độ kiến thức còn đọng lại trong học viên và sự vận dụng các kỹ năng và kiến thức đã học trong công việc thực tế.

Mọi Chương trình và Hệ thống nâng cao năng lực thú y viên đều phải xét đến hai lĩnh vực thành thạo cần được xây dựng; đó là kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành. Để hành nghề như một đơn vị cung cấp dịch vụ có chuyên nghiệp, cả hai lĩnh vực thành thạo này phải được trọng tâm.

2.2 Lược đồ mô tả năng lực thú y viên

Lược đồ mô tả năng lực thú y viên là cần thiết để xác định các yêu cầu đối với thú y viên về năng lực và trình độ để hành nghề một cách có hiệu quả tại tỉnh Quảng Ngãi. Lược đồ mô tả năng lực có các đặc điểm sau:

- Các mức độ kỹ năng và kiến thức chuyên môn được thống nhất và liệt kê ra. Lược đồ này phản ánh mọi khía cạnh về kỹ năng và kiến thức chuyên môn mà một thú y viên cần có để hành nghề tốt ở một xã.
- Lược đồ năng lực được xây dựng theo cách tiếp cận có sự cùng tham gia bao gồm các cán bộ cơ quan thú y cấp tỉnh và cấp huyện và bản thân thú y viên.
- Lược đồ năng lực thú y viên phải được vận dụng một cách năng động và linh hoạt. Các vai trò và trách nhiệm của người thú y viên có thể thay đổi theo những quy định mới hoặc các bối cảnh mới về dịch bệnh vật nuôi (ví dụ, bệnh cúm gia cầm).
- Lược đồ năng lực thú y viên cung cấp cơ sở cho mọi hoạt động trong tương lai được tiến hành sau khi Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên.

Lược đồ năng lực thú y viên (Phụ lục 1) được sơ thảo tại một ngày làm việc giữa cán bộ thuộc Chi cục Thú y tỉnh, các trạm thú y huyện, các thú y viên lựa chọn, RUDEP và Chuyên gia tập huấn thú y thuộc RUDEP. Bản lược đồ năng lực thú y viên hoàn chỉnh tổng hợp các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng sau đây đối với thú y viên:

- **Vai trò và trách nhiệm:** Các vai trò và trách nhiệm chung của thú y viên, bao gồm các trách nhiệm với vai trò là người cung cấp dịch vụ cho nông hộ (vd, phòng trị bệnh vật nuôi) và các trách nhiệm đối với nhà nước (vd, báo cáo và tham gia trợ giúp trong các chiến dịch vắc xin phòng bệnh).
- **Các yêu cầu chung:** bao gồm việc am hiểu về Pháp lệnh thú y và Pháp lệnh giống vật nuôi và tuân thủ theo các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.
- **Kiến thức thú y cơ bản:** Kiến thức về các nguyên nhân của các bệnh vật nuôi, các biện pháp phòng bệnh, kỹ năng chẩn đoán bệnh vật nuôi, lưu trữ và cung cấp thuốc men và vắc xin, tiệt trùng dụng cụ, các thuộc tính của các loại thuốc men và các biện pháp chữa trị.
- **Các bệnh trên trâu/ bò, dê, heo và gia cầm:** Các kỹ năng và kiến thức chuyên môn về phòng trị các bệnh cụ thể trên trâu/ bò, dê, heo và gia cầm (được lược ghi cụ thể trong Lược đồ năng lực thú y viên).
- **Các kỹ năng khác:** bao gồm các thao tác về hoạn, thụ tinh nhân tạo trên heo, bò, chữa trị vết thương/ áp xe, đỡ đẻ cho bò và heo, và chữa trị các phản ứng vắc-xin.

Trong phạm vi các lĩnh vực về trâu/ bò, dê, heo và gia cầm, Lược đồ năng lực thú y viên lược kê sự kết hợp các yêu cầu về kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành. Các bên tham gia thống nhất rằng những thú y viên nào chứng tỏ được các kỹ năng và kiến thức phù hợp trong các lĩnh vực này là xem như đủ khả năng hành nghề có hiệu quả và hỗ trợ cho người dân cũng như cơ quan thẩm quyền chuyên môn giảm thiểu những rủi ro song hành với bệnh vật nuôi.

2.3 Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên

Lược đồ năng lực thú y viên đã đặt cơ sở để RUDEP và Chi cục Thú y tiến hành các Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên. Việc Chuẩn bị thực hiện công việc đánh giá này bao gồm các nội dung sau:

- Soạn thảo ra một phương pháp tiếp cận và đề cương tiến hành các Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên;
- Tập huấn cho cán bộ Chi cục thú y và các trạm thú y huyện về các phương pháp và kỹ năng để thúc đẩy và tiến hành công tác đánh giá;
- Soạn thảo một kế hoạch thực hiện và Hợp đồng tổ chức thực hiện Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên tại 19 xã RUDEP thuộc 12 huyện đất liền của Quảng Ngãi.

2.3.1 Phương pháp đánh giá năng lực thành thạo thú y viên

Chuyên gia Tập huấn thú y (Ông Tạ Ngọc Sính), các cố vấn RUDEP và Chi cục Thú y (CCTY) đã cộng tác ban đầu để xây dựng một khuôn khổ chung các cách tiếp cận cơ bản được áp dụng cho việc Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên. Các bên thống nhất rằng việc Đánh giá sẽ xem xét cả hai khía cạnh là kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành:

- **Kiến thức chuyên môn (Lý thuyết)** được đánh giá thông qua một bảng câu hỏi trắc nghiệm trên 4 phương án lựa chọn trả lời (A, B, C hoặc D). Các câu hỏi đặt ra phần lớn là dựa trên các yêu cầu về năng lực thành thạo đã được liệt kê trên Lược đồ năng lực thú y viên;
- **Kỹ năng thực hành (Thực hành)** được đánh giá thông qua chuỗi các bài tập công việc (thuộc loại công việc phổ biến đối với thú y viên) với việc sử dụng dụng cụ và thuốc men thật (khi cần). Thú y viên được yêu cầu thực hiện chuỗi các bài tập

công việc trước sự chứng kiến của thúc đẩy viên của CCTY và các trạm thú y huyện.

Đề cương Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên được trình bày tại Phụ lục 2. Mỗi câu hỏi lý thuyết và chủ đề thực hành (câu hỏi hoặc bài tập) đều được liên hệ đến một chủ đề cụ thể. Điều này giúp cho sự đánh giá chi tiết về các điểm mạnh cũng như điểm yếu cụ thể trong lý thuyết và trong thực hành. Các Câu hỏi, Chủ đề và trình độ thành thạo mong muốn được trình bày tại Bảng 1 (câu hỏi lý thuyết) và Bảng 2 (các chủ đề thực hành) dưới đây.

Bảng 1: Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên; Phần lý thuyết

Câu hỏi	Chủ đề	Đánh giá Kiến thức và năng lực thành thạo
1	Các nguyên nhân bệnh ở gia súc và gia cầm	Kiến thức về các nguyên nhân gây bệnh hoặc nhiễm bệnh từ vi khuẩn, vi rút hoặc ký sinh trùng
2	Bệnh tiêu chảy ở lợn con	Các tác nhân và nhân tố góp phần gây bệnh tiêu chảy ở lợn con
3	Thời kỳ ủ bệnh	Hiểu biết về khái niệm thời kỳ ủ bệnh
4	Khử trùng dụng cụ thú y	Cách khử trùng dụng cụ thú y đúng và an toàn
5	Tiêu độc chuồng trại	Các phương pháp và giải pháp tiêu độc chuồng trại đúng
6	Mục đích của vắc xin	Mục đích của Vắc-xin để phòng bệnh
7	Bảo quản và vận chuyển vắc-xin	Phương pháp bảo quản và vận chuyển vắc-xin đúng
8	Sử dụng cồn trong khử trùng	Sử dụng cồn trong khử trùng kim tiêm là <u>không đúng</u>
9	Nhiệt độ cơ thể	Nhiệt độ cơ thể bình thường của trâu, bò, heo, gà
10	Chẩn đoán ban đầu bệnh vật nuôi	Tư vấn nông hộ, quan sát vật nuôi và lấy nhiệt độ cơ thể vật nuôi
11	Bệnh Dịch tả lợn	Các triệu chứng lâm sàng và các thương tổn của bệnh dịch tả lợn
12	Bệnh Newcastle	Triệu chứng lâm sàng và bệnh tích của bệnh Newcastle
13	Bệnh tiên mao trùng	Triệu chứng lâm sàng và bệnh tích của bệnh tiên mao trùng
14	Kháng sinh	Mục đích sử dụng kháng sinh
15	Kháng sinh	Thời kỳ chữa trị kháng sinh
16	Kháng sinh và thuốc diệt ký sinh trùng	Sử dụng Kháng sinh và thuốc diệt ký sinh trùng đúng
17	Kháng sinh	Trọng lượng cơ thể và độ tuổi để xác định liều lượng
18	Tiêm sắt cho heo con	Mục đích tiêm và độ tuổi tiêm
19	Vắc xin	Các yếu tố ảnh hưởng chất lượng vắc-xin
20	Phát biểu đúng /sai	5 phát biểu (xác định phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai)

Bảng 2: Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên; Phần thực hành

Câu hỏi	Chủ đề	Đánh giá Kiến thức và năng lực thành thạo
1	Chẩn đoán bệnh ban đầu	Đặt đúng câu hỏi với nông hộ để chẩn đoán và hiểu được vấn đề bệnh
2	Sử dụng nhiệt kế	Dùng nhiệt kế đúng và kiến thức về bệnh sốt ở các loại vật nuôi khác nhau
3	Ống tiêm và kim tiêm	Lắp ống tiêm, vị trí tiêm đúng (chích vào cơ/ chích dưới da đối với gà, heo và bò) và khử trùng/ tiêu độc dụng cụ
4	Chất khử trùng	Tính toán và pha loãng chất khử trùng
5	Thuốc điều trị	Công dụng và liều dùng của thuốc diệt ký sinh trùng và thuốc kháng sinh
6	Vắc-xin	Hiểu biết về vắc-xin nhược độc và vắc-xin vô hoạt, vị trí tiêm và liều dùng đúng
7	Nhỏ thuốc đường miệng	Kỹ năng dùng thuốc cho vật nuôi qua đường tiêu hóa
8	Các bệnh ở gà	Kiến thức về các triệu chứng trực quan của các bệnh ở gà (Newcastle, Gumboro, cúm gà, v.v.)
9	Các bệnh ở lợn	Kiến thức về các triệu chứng trực quan của các bệnh ở lợn (Dịch tả lợn, Đóng dấu lợn, Tụ huyết trùng lợn, Lợn nghệ, Lợn gạo, Giun đũa ruột lợn, Salmonellosis, v.v.)
10	Các bệnh ở trâu/ bò	Kiến thức về các triệu chứng trực quan của các bệnh ở trâu, bò (Lở mồm long móng, Tụ huyết trùng trâu bò, Nhiệt thán, v.v.)
11	Báo cáo	Thu thập số liệu, hiểu biết các biểu mẫu báo cáo và tổng hợp báo cáo
12	Gia cầm	Mổ khám gia cầm, kiến thức về các cơ quan nội tạng và mô tả một số bệnh tích có thể gặp

2.3.2 Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên: Các cấp độ đo lường năng lực thành thạo

Các cấp độ năng lực thành thạo của mỗi thú y viên được xác định qua Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên. Có 4 cấp độ được áp dụng từ Cẩm nang Nâng cao năng lực của RUDEP (dựa trên tỉ lệ phần trăm điểm đúng của các trả lời phân lý thuyết và Phần thực hành).

Bảng 3: Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên; Các cấp độ thành thạo

Tỉ lệ điểm đúng	Cấp độ thành thạo
0 – 33%	YẾU
34 – 67%	ĐÁNG QUAN TÂM
68 – 95%	CỦNG CỐ
96 – 100%	THÀNH THẠO

2.3.3 Tập huấn tập huấn viên về Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên

Sau khi hoàn chỉnh hệ phương pháp Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên, Một khóa tập huấn ToT 2 ngày được tổ chức cho cán bộ Chi cục Thú y và các trạm thú y huyện (tổng cộng 38 người). Đề cương tập huấn của khoá này được trình bày ở Phụ lục 2 (Bảng

7). Khoá này cung cấp cho học viên những kỹ năng và năng lực đầy đủ để thực hiện Đánh giá năng lực thú y viên tại các xã và huyện thuộc RUDEP.

2.3.4 Tổ chức thực hiện Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên

Trước khi triển khai kế hoạch thực hiện, các bên thống nhất lược kê các chi tiết cụ thể về số lượng thú y viên được đưa vào đánh giá. Các đối tượng thú y viên hiện đang hành nghề tại các xã (bất kể bằng cấp chuyên môn hoặc trình độ học vấn) được xác định ra và đánh giá.

Tại 6 xã RUDEP, thú y viên không phải là dân thường trú ở xã mà thường là do người dân mời từ các xã lân cận sang. Đây là các xã miền núi, đa số dân cư là người dân tộc thiểu số, rất nghèo và nằm ở các địa bàn xa xôi trong huyện. Tuy ở những xã này không có thú y viên, việc Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên vẫn được đề nghị tiến hành vì:

- Một Đánh giá sơ bộ về dịch vụ thú y cần được tiến hành bao gồm:
 - Việc thu thập các thông tin cơ bản về các vấn đề vật nuôi trong xã cũng như những khó khăn mà người dân đang gặp;
 - Việc tiến hành các công cụ PRA nhằm đánh giá tính xảy ra theo thời vụ của các bệnh vật nuôi, các vấn đề phổ biến về chăn nuôi và thú y, và sự hỗ trợ phù hợp để tăng cường dịch vụ thú y trong xã.
- Những người dân được cho là có vài kỹ năng hoặc kiến thức về thú y cũng cần tham gia vào đối tượng Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên cả ở phân lý thuyết và phần thực hành.

Việc tiếp cận đánh giá năng lực thành thạo thú y viên ở những nông hộ có hiểu biết về thú y là có ý nghĩa và cần thiết, vì Chương trình Nâng cao năng lực thú y viên có thể sẽ kết hợp việc đào tạo nông hộ thành người hoạt động như một thú y viên. Cách tiếp cận này dù không phải là mới mẻ ở Việt Nam, cũng mang nhiều rủi ro là:

- Kiến thức và kỹ năng chuyên môn phải xây dựng là rất lớn và có thể vượt ra ngoài giới hạn nguồn lực (thời gian và kinh phí) của CCTY và RUDEP. Trình độ học vấn và kỹ năng biết đọc biết đếm của nông hộ ở các xã vùng cao của RUDEP còn thấp. Mọi chương trình xây dựng kiến thức và kỹ năng cho nông hộ sẽ cần phải kéo dài, sử dụng các phương pháp đào tạo phù hợp và đòi hỏi sự trợ giúp và tư vấn đáng kể trong thực tế công việc.
- 6 xã hiện không có thú y viên đều là những xã có >70% hộ nghèo (theo tiêu chí của Sở LĐTĐBXH). Thú y viên cần có một hình thức thanh toán nào đó từ người dân mới cung cấp dịch vụ hiệu quả; với xã có tỉ lệ hộ nghèo cao như vậy thì khó có thể để có một thú y viên (hoặc các thú y viên) hoạt động bền vững trong một thời gian dài.

Thông qua việc kết hợp Đánh giá sơ bộ dịch vụ thú y và Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên, một số rủi ro này có thể được xem xét và đánh giá tính khả thi. Để hỗ trợ cho các khía cạnh khả thi, đại diện UBND xã và các đoàn thể đã được mời đến tham dự và đã tham gia vào Đánh giá sơ bộ dịch vụ thú y và Đánh giá năng lực thành thạo thú y viên. Các bên đồng ý rằng những thông tin có giá trị mà có thể thu được từ việc Đánh giá sơ bộ dịch vụ thú y sẽ đảm bảo cho việc áp dụng Đánh giá này tại toàn bộ các xã. Các công cụ PRA và các phương pháp tiếp cận dùng để thực hiện các công việc này thì được minh họa ở Phụ lục 4.

3 Kết quả đánh giá năng lực thú y viên

3.1 Mức độ tham gia

Bảng 4 minh họa các đối tượng tham gia Đánh giá năng lực thú y viên. Kết quả cho thấy:

- Tổng cộng có 476 người tham gia Đánh giá năng lực thú y viên, trong đó:
 - 65 thú y viên cơ sở;
 - 261 là đại diện UBND xã, Trưởng thôn hoặc đại diện Hội/đoàn thể; và
 - 150 nông hộ.
- Trong số 65 thú y viên cơ sở đang hoạt động tại 19 xã thuộc RUDEP:
 - 38 người ở 5 xã đồng bằng;
 - 27 người hoạt động tại 8 xã miền núi của RUDEP;
 - 6 xã miền núi còn lại không có thú y viên.

Bảng 4: Đối tượng từ các xã tham gia Đánh giá năng lực thú y viên

ST T	Xã	Ngày	Đối tượng			
			Thú y viên	Đại diện UBND xã	Nông hộ	Tổng cộng
1	Long Sơn	18/6	6	8	6	20
2	Ba Lê	23/6	0	18	12	30
3	Ba Nam	30/6	0	18	12	30
4	Sơn Bua	17/6	0	16	9	25
5	Nghĩa Sơn	21/6	1	14	5	20
6	Trà Hiệp	20/6	0	28	12	40
7	Nghĩa Thọ	28/6	1	5	13	19
8	Trà Lâm	21/6	2	28	10	40
9	Trà Trung	22/6	0	9	11	20
10	Trà Lãnh	24/6	0	11	9	20
11	Sơn Mua	16/6	2	18	10	30
12	Sơn Giang	18/6	6	18	6	30
13	Sơn Hải	17/6	4	20	8	32
14	Sơn Trung	16/6	5	15	10	30
15	Đức Phong*	25/6	14	1	0	15
16	Tĩnh Thọ*	16/6	3	9	8	20
17	Hành Phước*	15/6	10	10	0	20
18	Bình Minh*	20/6	5	10	5	20
19	Phổ Châu*	30/6	6	5	4	15
	Tổng cộng		65	261	150	476

* chỉ các xã đồng bằng.

3.2 Đánh giá sơ bộ về các dịch vụ thú y

Đánh giá sơ bộ các dịch vụ thú y cung cấp thông tin về những vấn đề dịch bệnh thường xảy ra tại các xã và lịch thời gian xảy ra các dịch bệnh này. Kết quả giữa các xã là tương tự nhau và được nêu rõ tại Bảng 5.

Bảng 5: Lịch thời gian xảy ra dịch bệnh ở vật nuôi tại 19 xã của RUDEP

Loại vật nuôi	Dịch bệnh	Thời gian xảy ra
Trâu/Bò	Tụ huyết trùng	• Tháng 4/5 – tháng 12
	Tiêu chảy	• Tháng 10 – tháng 3
	Sán lá gan	• Xây ra rải rác
	Giun đũa bê nghé	• Xây ra rải rác
Heo	Dịch tả lợn	• Tháng 3 – tháng 10
	Tụ huyết trùng	• Tháng 4/5 – tháng 12
	Phó thương hàn	• Tháng 9 – tháng 3
	Tiêu chảy	• Tháng 10 – tháng 3
Gà	Bệnh Newcastle	• Tháng 11 – tháng 1
	Bệnh Gumboro	• Xây ra rải rác
	Dịch tả	• Tháng 12 – tháng 4
	Bệnh đậu gà	• Xây ra rải rác
Dê	Lở loét ở mồm	• Xây ra rải rác
	Tiêu chảy	• Xây ra rải rác

Đánh giá lịch thời gian xảy ra dịch bệnh vật nuôi và thảo luận sau đó cho thấy:

- Dịch bệnh xảy ra xuyên suốt thời gian một năm dương lịch. Tuy nhiên, thời gian cao điểm xảy ra đối với hầu hết các loại dịch bệnh và đã được các hộ dân nêu bật².
- Dịch bệnh hầu như xảy ra vào những thời điểm thời tiết khắc nghiệt (như mùa mưa, thời tiết lạnh hay nắng nóng kéo dài).
- Rất ít hộ dân đầu tư vào chăn nuôi gia cầm, phần lớn là vì tỉ lệ chết do dịch bệnh cao không khuyến khích được người dân đầu tư vào chăn nuôi sản xuất gia cầm. Liên quan đến vấn đề này là sự hiểu biết hạn hẹp về sử dụng cũng như tính sẵn có của vắc xin để phòng ngừa sự bùng phát các dịch bệnh này.
- Bò, heo và gà là những loại vật nuôi phổ biến nhất. Mức độ chăn nuôi trâu nhìn chung là đang có chiều hướng giảm dần; trong khi đó số lượng dê đã tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây.
- Các hộ dân ở những xã miền núi áp dụng các tập quán chăn nuôi 'quảng canh' truyền thống. Hầu hết trâu bò được nuôi theo kiểu thả rong trên những vùng đất lâm nghiệp và rất ít hộ dân có chuồng trại cho vật nuôi. Các hộ dân ở những xã đồng bằng thực hiện kiểu chăn nuôi 'thâm canh' hơn và điều này được thể hiện qua việc sử dụng chuồng trại và trồng cây cỏ thức ăn xanh.

Cây vấn đề-nguyên nhân-tác động-giải pháp cho thấy một dãy các vấn đề liên quan đến dịch vụ thú y và dịch bệnh vật nuôi tại địa bàn các xã:

- Tại **các xã đồng bằng**, số người chăn nuôi và số lượng vật nuôi cao hơn so với các xã miền núi. Ở một vài xã (như Đức Phong; với 4,000 hộ dân), số lượng thú y viên ít ỏi (14 người) không đáp ứng được nhu cầu của người dân. Các cán bộ thú y này thường đi vắng và khó liên lạc. Tương tự như vậy, sự phân bố

² Giá trị về mặt kỹ thuật của các thông tin này không được cam đoan. Khi người dân nêu lên dịch bệnh, cán bộ Chi cục thú y và Trạm thú y thảo luận về các triệu chứng thông thường cùng với người dân và thú y viên cơ sở. Dựa trên thông tin thu được cùng với những kinh nghiệm trước đây về lịch thời gian xảy ra dịch bệnh của các cán bộ CCTY và Trạm thú y, giả định về dịch bệnh thực tế được đưa ra.

thú y viên thường là không đồng đều, một số thôn không có thú y viên thường trú tại địa phương.

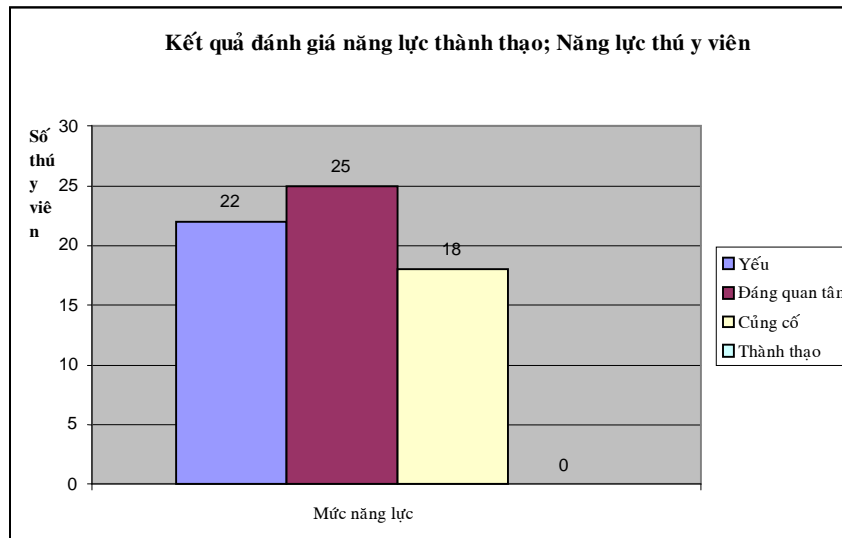
- Tại **các xã miền núi**, tỉ lệ hộ nghèo cao nhưng thu nhập ít hơn các xã đồng bằng. Thu nhập ít ỏi dẫn đến khoản dành sẵn, nếu có, mà có thể dùng để trang trải việc chữa trị cho vật nuôi trong trường hợp vật nuôi bị bệnh là rất ít. Vì vậy, thú y viên ở các xã này hành nghề rất khó khăn. Rõ ràng là để thú y viên hoạt động và cung cấp dịch vụ cho người dân, đặc biệt là tiêm vắc xin và điều trị bệnh, thu nhập đủ cần phải được tạo ra thông qua dịch vụ này và người dân có khả năng thanh toán cho dịch vụ của các thú y viên.
- Những thú y viên hoạt động ở một số **xã miền núi** và điển hình có chứng chỉ do các Trung tâm dạy nghề của huyện cấp. Sau khi có được chứng chỉ, nhiều người trong số họ ít có cơ hội áp dụng nhiều những kỹ năng vào trong thực tiễn công việc. Điều này một phần là do điều kiện còn hạn chế của người dân về khả năng chi trả cho các dịch vụ do thú y viên cung cấp cũng như thuốc điều trị (như đã đề cập ở phần trên). Vấn đề này cũng liên quan đến việc những xã này nằm ở những vùng sâu vùng xa, khó tiếp cận. Điều này cũng làm cho khâu vận chuyển vắc xin khó khăn và tốn kém. Vì thế, hầu hết các thú y viên này hiếm khi hành nghề, chủ yếu được dùng để hỗ trợ các chiến dịch tiêm phòng của tỉnh, huyện được tổ chức 2 lần/năm.
- Tại **các xã đồng bằng**, một số thú y viên được xem là có năng lực yếu về chẩn đoán bệnh. Với việc đưa ra chẩn đoán sai và cho dùng thuốc sai, tỉ lệ vật nuôi khỏi bệnh đôi khi có thể là thấp hoặc đòi hỏi phải sử dụng các loại thuốc bổ sung trong khoảng thời gian dài ngày để trị bệnh cho vật nuôi. Sự yếu kém về năng lực này đôi khi dẫn đến gánh nặng lớn về tài chính đối với người dân. Và do đó, lòng tin vào năng lực một số thú y viên thấp.

3.3 Kết quả đánh giá năng lực thú y viên

Có tổng cộng 65 thú y viên từ 13 xã của RUDEP được thực hiện Đánh giá năng lực. Trong số 65 thú y viên này:

- Không có người nào được xem là ‘thành thạo’.
- 22 người trong tổng số 65 (chiếm 34 %) được xem là ‘yếu’.
- 25 người trong tổng số 65 (chiếm 38 %) ở mức ‘đáng quan tâm’.
- Chỉ có 18 người trong tổng số 65 (chiếm 28 %) là ‘cần củng cố’.

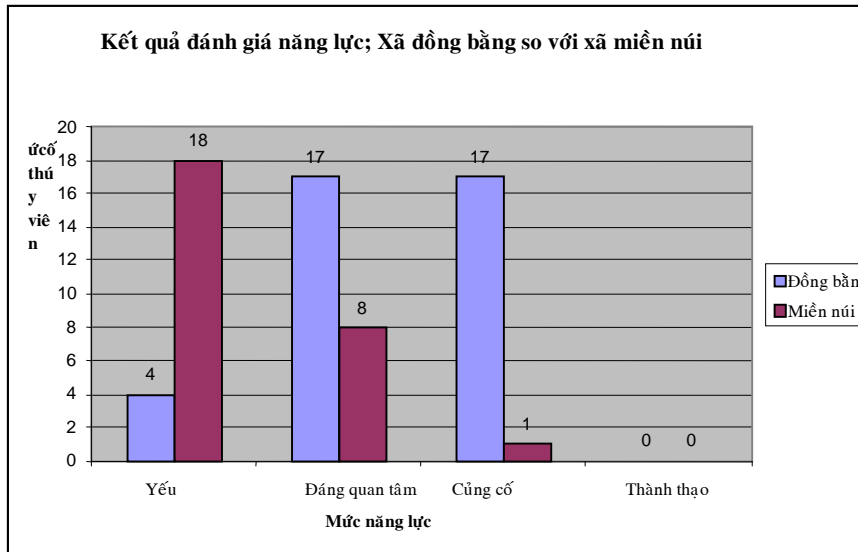
Hình 1 minh họa kết quả Đánh giá năng lực thú y viên. Qua đó cho thấy 47 trong số 65 thú y viên (chiếm 72%) ở mức năng lực ‘yếu’ hoặc ‘đáng quan tâm’.

Hình 1: Kết quả đánh giá năng lực thú y viên; 65 thú y viên tại 13 xã của RUDEP

Có sự khác biệt lớn về mức năng lực của các thú y viên miền núi và đồng bằng. Trong số 65 thú y viên hành nghề tại 13 xã của RUDEP, 38 người thường trú ở 5 xã đồng bằng và 28 người thường trú ở 8 xã miền núi - là xã có thú y viên. Sự so sánh về mức năng lực giữa thú y viên đồng bằng và miền núi được thể hiện ở **Hình 2**. Nhìn chung, thú y viên các xã đồng bằng có mức năng lực cao hơn thú y viên các xã miền núi:

- 18 người trong số 28 thú y viên các xã miền núi (chiếm 64 %) được xem là 'yếu'.
 - Chỉ có 4 người trong số 38 thú y viên các xã đồng bằng (chiếm 11 %) ở mức 'yếu'.
- 17 người trong số 38 thú y viên các xã đồng bằng (chiếm 45 %) ở mức 'cần củng cố'.
 - Chỉ có 1 người trong số 28 thú y viên các xã miền núi ở mức này.

Qua phân tích này cho thấy mặc dù thú y viên có tồn tại và hành nghề ở các xã miền núi, hơn 90% trong số họ ở các mức năng lực 'yếu' hoặc 'đáng quan tâm'. Đại đa số thú y viên miền núi ở mức năng lực 'yếu'. Hơn nữa, phần lớn thú y viên ở mức 'yếu' là từ các xã dân tộc thiểu số miền núi.

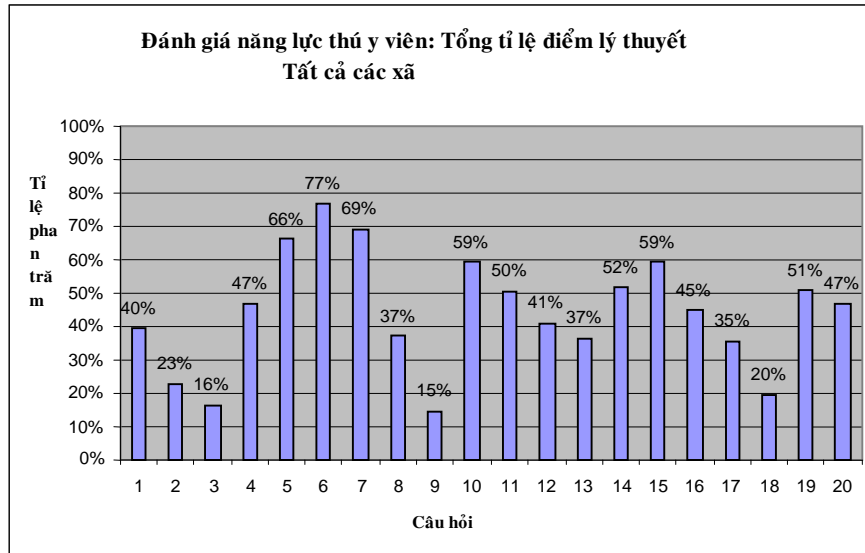
Hình 2: Kết quả đánh giá năng lực thú y viên; So sánh năng lực thú y viên miền núi và đồng bằng

Một phần phân tích chính yếu về các câu hỏi đánh giá lý thuyết và thực hành đã được thực hiện nhằm xác định những mảng yếu kém cụ thể giữa các thú y viên. Mỗi một câu hỏi lý thuyết và chủ đề thực hành được gắn với yêu cầu cụ thể về mặt kiến thức và kỹ năng. Tổng tỉ lệ điểm³ cho phần câu hỏi lý thuyết được minh họa tại Hình 3 được trình bày ở Bảng 10 (Phụ lục 5) cho thấy:

- Kiến thức thú y viên về những nhân tố gây ra bệnh tiêu chảy ở lợn con là ở mức yếu (Câu hỏi 2), rất ít thú y viên nắm được 5 nhân tố gây ra bệnh này (thức ăn cho lợn mẹ, thức ăn cho lợn con, nước uống, điều kiện chuồng trại và thời tiết).
- Thú y viên hiểu rất ít về thuật ngữ 'ủ bệnh' và giai đoạn ủ bệnh (ở mức yếu về mặt năng lực); một khái niệm cơ bản liên quan đến tiêm phòng và miễn dịch (Câu 3).
- Thú y viên hiểu biết kém về thân nhiệt bình thường của các loại vật nuôi là bò, trâu, heo lớn và heo con. Điều này sẽ dẫn đến năng lực yếu về nhận biết các triệu chứng của bệnh và chẩn đoán về nhiễm bệnh (Câu 9).
- Các thú y viên không nắm vững về mục đích và độ tuổi tiêm sắt cho lợn con, nhìn chung các thú y viên được xem là ở mức năng lực 'yếu' (Câu 18).
- Các thú y viên không hiểu sâu và đầy đủ về việc không sử dụng cồn để sát trùng bơm/kim tiêm trước khi tiêm vắc xin, về bệnh Tiên mao trùng (các triệu chứng lâm sàng), tính toán liều lượng kháng sinh (lưu ý đến trọng lượng và tuổi của vật nuôi); và được xem là ở mức 'đáng quan tâm' (Câu 8, 13 và 17).
- Thú y viên biết được mục đích của việc tiêm phòng, các phương pháp bảo quản và vận chuyển vắc xin (Câu 6 và 7) chiếm tỉ lệ cao và các thú y viên ở mức năng lực 'cần củng cố'.

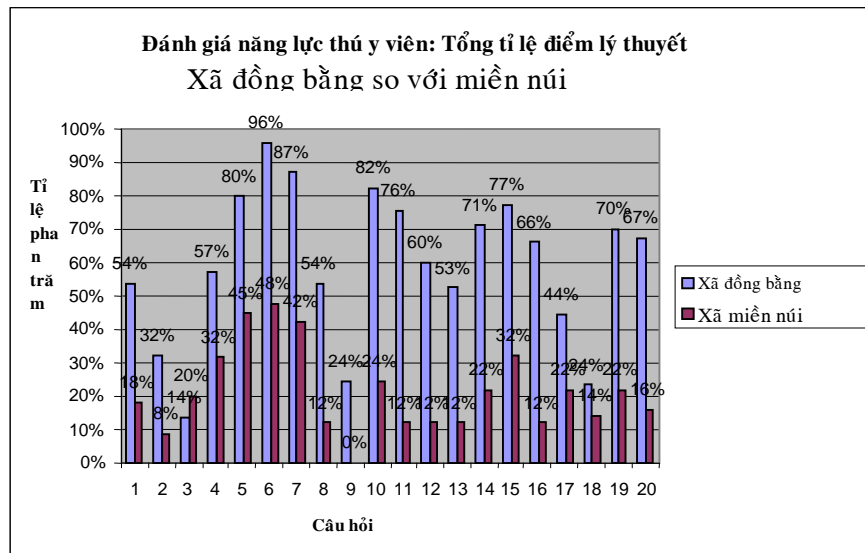
³ Hàm ý tổng điểm cho từng phần Câu hỏi lý thuyết và Chủ đề thực hành. Đối với hầu hết các câu hỏi lý thuyết và Chủ đề thực hành, thực hiện cho điểm đối với các câu trả lời đúng một phần; và cũng thực hiện trừ điểm trong một số trường hợp câu trả lời sai. Hướng dẫn cho điểm phần Lý thuyết và Thực hành được trình bày ở Phụ lục 3.

Hình 3: Phân tích then chốt về Đánh giá năng lực 65 thú y viên - phần Lý thuyết;



Phân so sánh giữa thú y viên các xã miền núi và đồng bằng (dựa trên tổng phần trăm điểm Lý thuyết) được minh họa ở Hình 4. Kết quả này chứng tỏ sự khác biệt lớn về kiến thức Lý thuyết giữa thú y viên miền núi và đồng bằng. Thú y viên ở đồng bằng vững về mặt kiến thức thú y hơn thú y viên miền núi. Rõ ràng là các thú y viên miền núi không hiểu sâu những khía cạnh cơ bản, căn bản về sinh lý học vật nuôi, thú y và dịch bệnh.

Hình 4: Phân tích chính yếu về Đánh giá năng lực 65 thú y viên - phần Lý thuyết; Xã miền núi và xã đồng bằng

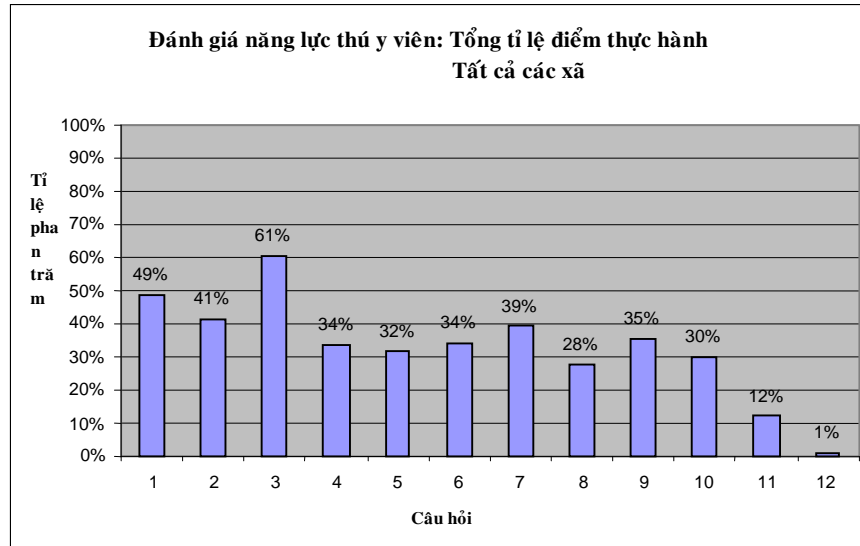


Phần thực hành được thực hiện trong Đánh giá năng lực thú y viên và bao gồm 12 bài tập thông thường đối với một thú y viên hành nghề. Kết quả Đánh giá năng lực thú y viên được minh họa ở Hình 5 và trình bày ở Bảng 11(Phụ lục 5) cho thấy:

- Các thú y viên có mức năng lực yếu về mổ khám gia cầm và nhận biết các bệnh tích liên quan đến các bệnh ở gia cầm (Chủ đề 12). Mức năng lực yếu này ảnh hưởng đến khâu chẩn đoán và phòng ngừa các vấn đề dịch bệnh ở gia cầm và thể hiện qua tỉ lệ điểm thấp ở Chủ đề 8 (Chẩn đoán dịch bệnh ở gia cầm).

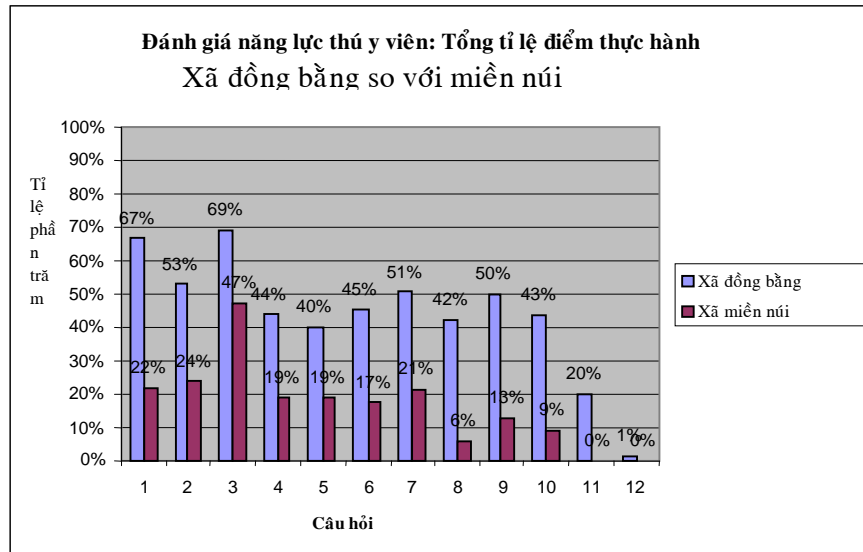
- Đại đa số thú y viên ở mức yếu về soạn thảo báo cáo và nội dung báo cáo (Chủ đề 11). Ít thú y viên có khả năng điền đúng vào các biểu mẫu báo cáo với các thông tin phù hợp.
- Sự hiểu biết về các loại thuốc thông thường dùng để điều trị bệnh ở vật nuôi (Chủ đề 5) và kiến thức về các triệu chứng của những bệnh quan trọng ở trâu/bò (Chủ đề 10) cũng ở mức yếu.

Hình 5: Phân tích Đánh giá năng lực thú y viên; 65 thú y viên; Tất cả các xã



So sánh về năng lực thực hành giữa thú y viên miền núi và đồng bằng được thực hiện. Phân tích thể hiện ở Hình 7 và qua đó cho thấy thú y viên các xã miền núi ở mức yếu về năng lực thực hành đối với Chủ đề 11 và 12. Thú y viên các xã đồng bằng ở mức cần củng cố đối với chủ đề thu thập thông tin cơ bản về vật nuôi bị bệnh từ người chủ vật nuôi và sử dụng bom, kim tiêm (Chủ đề 1 và 3). Kiến thức và năng lực về chẩn đoán các bệnh thông thường ở gà, heo, trâu/bò của thú y viên các xã miền núi là thấp hơn nhiều so với các xã đồng bằng.

Hình 6: Phân tích Đánh giá năng lực thú y viên; 65 thú y viên; xã miền núi và đồng bằng

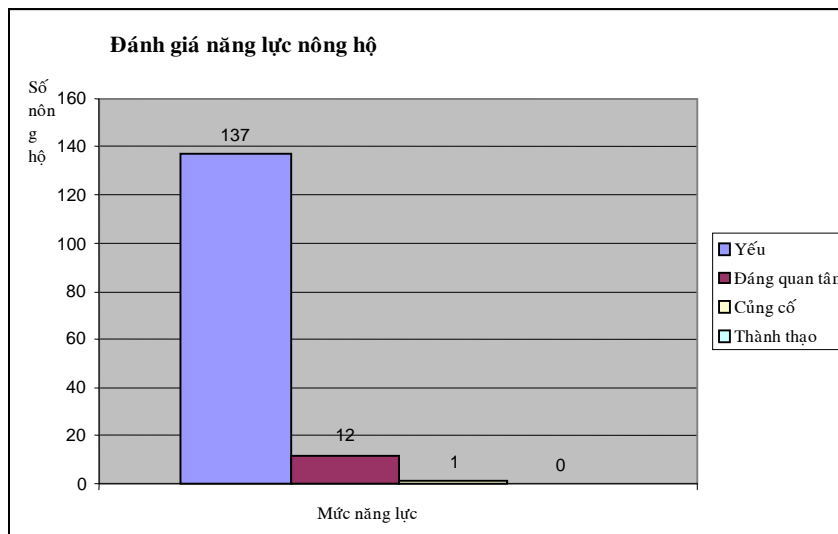


Việc đào tạo nông hộ trở thành thú y viên thường được nhiều dự án trên khắp Việt Nam thực hiện. Trước khi triển khai hoạt động này ở Quảng Ngãi như là một hợp phần của Chương trình nâng cao năng lực thú y viên, khâu đánh giá kỹ năng cũng như các mức độ hiểu biết về thú y của nông hộ được xem là quan trọng (dùng thể thức/biểu mẫu áp dụng cho Đánh giá năng lực thú y viên). Trong số 150 nông hộ tham gia - được xem là có một số hiểu biết về thú y - được thực hiện Đánh giá:

- 137 người ở mức yếu;
- 12 người ở mức đáng lo ngại;
- 1 người ở mức cần củng cố; và
- Không có người nào được xem là thành thạo.

Hình 7 minh họa kết quả đánh giá năng lực được thực hiện cùng với 150 nông hộ tại 16 xã thuộc RUDEP. Không thực hiện phân tích về sự khác nhau giữa các xã miền núi và đồng bằng.

Hình 7: Kết quả đánh giá năng lực; 150 nông hộ tại 16 xã thuộc RUDEP



Việc đào tạo một số nông hộ sẽ hoạt động với vai trò là thú y viên cấp xã/thôn là xác đáng và có lợi. Tuy nhiên, đánh giá này cho thấy nông hộ được xem là có kỹ thuật về thú y thì phần lớn là không đủ năng lực. Điều này mang những hàm ý về phương pháp tiếp cận đào tạo nông hộ thành thú y viên sắp đến. Rất có thể là kiến thức căn bản về thú y cũng như về sinh lý học vật nuôi của nông hộ sẽ cực kỳ thấp. Để xây dựng năng lực từ nền tảng kiến thức thấp như vậy, rõ ràng là sẽ cần duy trì hỗ trợ đào tạo và trợ giúp kỹ thuật lâu dài.

3.4 Các kết quả chính và Ý nghĩa

Kết quả Đánh giá năng lực thú y viên cho thấy:

- Đại đa số thú y viên tại 13 xã RUDEP ở các mức năng lực yếu hoặc đáng lo ngại; rất ít thú y viên ở mức 'cần củng cố' và không có người nào ở mức thành thạo. Điều này nêu bật lên sức ép lớn về cung cấp dịch vụ thú y và có thể là chỉ báo về tình hình này trên toàn tỉnh.
- Có rất ít thú y viên ở các xã dân tộc thiểu số miền núi. Những thú y viên ở xã miền núi bình quân có mức kỹ năng và kiến thức thấp hơn so với thú y viên đồng bằng. Dịch vụ thú y ở các xã dân tộc thiểu số gắn với nông hộ có khả năng đối mặt với nhiều khó khăn trong phòng chống sự bùng phát dịch bệnh.
- Sự hiểu biết về những khái niệm căn bản trong thú y và sinh lý học vật nuôi xem ra thấp, đặc biệt là ở các xã miền núi. Không có kiến thức nền về các khái niệm cơ bản (chẳng hạn thân nhiệt bình thường của heo và bò), rất có thể dẫn đến tình trạng chẩn đoán sai và thực hiện các điều trị sai. Bất kỳ khoá tập huấn/đào tạo thú y viên nào trong thời gian sắp đến phải kết hợp và củng cố các khái niệm căn bản về sinh lý học vật nuôi vào trong đào tạo/tập huấn.
- Dù kiến thức ở phần lý thuyết trong một số trường hợp là cao (đối với các xã đồng bằng), các kỹ năng và năng lực thực hành là cực kỳ thấp. Chẳng hạn, sự hiểu biết về mục đích và công dụng của vắc xin có thể xem là được; tuy nhiên, đánh giá phần thực hành cho thấy khâu chuẩn bị và tiêm vắc xin không đúng hoặc không đầy đủ.
- Kỹ năng chẩn đoán của các thú y viên là đáng lo ngại. Đặc biệt là đối với trường hợp các thú y viên miền núi với năng lực yếu kém về chẩn đoán các bệnh ở heo, gà và bò. Nhìn chung, năng lực chẩn đoán bệnh gia cầm hoặc biết mổ khám gà của các thú y viên còn hạn chế. Sự lo ngại lại càng tăng lên liên quan đến chẩn đoán đúng đắn về Cúm gia cầm trong trường hợp xảy ra dịch. Với mức kiến thức và kỹ năng thấp như vậy, có thể đưa đến chẩn đoán sai (chẩn đoán lệch lạc) bệnh Cúm gia cầm là bệnh Newcastle hoặc Gumboro.
- Kiến thức về tiêm phòng và các phương pháp đúng về khử trùng bom, kim tiêm thấp một cách đáng kinh ngạc. Chi cục thú y phối hợp với các Trạm thú y huyện và thú y cơ sở tổ chức thực hiện các chiến dịch tiêm phòng 2 lần/năm trên địa bàn từng xã. Kiến thức không đủ và các phương pháp khử trùng sai dẫn đến giảm tính hiệu quả các vắc xin.
- Việc đào tạo nông hộ thành thú y viên ở một số xã và một số thôn không có thú y cơ sở là xác đáng. Tuy nhiên, công tác đào tạo và trợ giúp kỹ thuật duy trì lâu dài là cần thiết. Các phương pháp tiếp cận đào tạo sẽ cần phải phù hợp với khả năng về ngôn ngữ, trình độ đọc viết và trình độ học vấn ở một số xã dân tộc thiểu số miền núi. Bất kỳ tiếp cận nào nhằm cải thiện dịch vụ thú y thông qua đào tạo nông hộ hành nghề như thú y viên phải bắt đầu với các tiếp cận về sinh lý học vật nuôi cơ bản, các biện pháp phòng bệnh đơn giản (như cải thiện công tác chăn nuôi) và tiêm phòng.

Kết quả Đánh giá năng lực thú y viên sẽ hỗ trợ xây dựng Chương trình nâng cao năng lực thú y viên giữa RUDEP và CCTY. Rõ ràng là Chương trình nâng cao năng lực như vậy phải kết hợp cho được các cách tiếp cận và khái niệm sau:

- Đánh giá trước và sau tập huấn cho từng khoá phải được thực hiện. Việc này sẽ giúp đo lường được sự hiểu biết về từng chủ đề trước tập huấn và xác định kiến thức và năng lực đạt được - là kết quả của việc tập huấn. Bất kỳ những chủ đề nào mà thú y viên vẫn chưa thành thạo sẽ có thể được nhắc lại trong các khoá tập huấn tiếp theo và xác định những lĩnh vực mà hỗ trợ kỹ thuật theo sau là cần thiết.
- Những khái niệm căn bản về sinh lý học vật nuôi và các tác nhân gây bệnh sẽ làm nền tảng cho mọi khoá tập huấn và Chương trình nâng cao năng lực. Các công tác cải thiện hoạt động chăn nuôi là thiết yếu. Không nên đi sâu vào điều trị bệnh và các chủ đề khác cho đến khi thú y viên thành thạo những lĩnh vực này.
- Các khoá tập huấn phải có cả thông tin lý thuyết và đủ thời gian cho trình diễn và bài tập thực hành. Đánh giá năng lực thú y viên cho thấy trong một số trường hợp kiến thức về lý thuyết có thể là tương đối, nhưng trong thực hành là chưa phù hợp.
- Các phương pháp đào tạo/tập huấn và cách tiếp cận phải phù hợp với những đối tượng là người dân tộc thiểu số với trình độ đọc viết và học vấn thấp. Đặc biệt đối với trường hợp các Khóa học và Chương trình đào tạo hướng đến đào tạo nông hộ thành thú y viên. Phải dành cơ hội cho phụ nữ tham gia vào những khoá này và hoạt động như thú y viên.

4 Kết luận

Kết quả đánh giá năng lực thú y viên thể hiện:

- Các vấn đề về thú y và dịch bệnh vật nuôi là vấn đề chính ảnh hưởng đến hộ dân và thu nhập của hộ tại các xã thuộc RUDEP. Dịch vụ thú y và các thú y cơ sở cố gắng giảm nhẹ vấn đề này. Tại các xã đồng bằng, số lượng thú y viên là khác nhau và về cơ bản là không đủ để đáp ứng nhu cầu của người dân.
- Đối với những xã miền núi thì 6 xã không có thú y viên, và 8 xã có. Thú y viên ở những vùng này hành nghề rất khó khăn do thu nhập của người dân nơi đây thấp, đường sá xa xôi cùng các khó khăn về tiếp cận thuốc thú y ở trung tâm huyện. Do đó, hầu hết các thú y viên này hiếm khi hành nghề và chỉ hỗ trợ các chiến dịch tiêm phòng của tỉnh/huyện được tổ chức 2 lần/năm.
- Đánh giá năng lực thể hiện 34% thú y viên ở mức năng lực yếu, khoảng 38% ở mức đáng quan tâm và chỉ 28% ở mức cần củng cố. Không có thú y viên nào ở mức thành thạo.
- Thú y viên miền núi có năng lực thấp hơn so với thú y viên đồng bằng. Khoảng 64% thú y viên miền núi ở mức yếu so với 11% thú y viên đồng bằng ở mức này. 45% thú y viên đồng bằng ở mức cần củng cố; chỉ có 1 thú y viên trong tổng số 28 thú y viên miền núi ở mức này.
- Phân tích các câu hỏi và chủ đề trong Đánh giá năng lực thú y viên nêu bật lên những điểm lo ngại. Rõ ràng là các thú y viên thiếu hiểu biết về các khái niệm căn bản liên quan đến sinh lý học vật nuôi và các yếu tố gây bệnh vật nuôi. Tiêm phòng và khử trùng là những công việc thông thường đối với người làm công tác thú y, thế nhưng, sự hiểu biết về các khái niệm cũng như phương pháp cơ bản giữa các thú y viên là khác nhau và một số trường hợp thiếu hiểu biết về những nội dung này.
- Kỹ năng chẩn đoán bệnh là một vấn đề đáng lo ngại. Đặc biệt là đối với các thú y viên miền núi với năng lực yếu về chẩn đoán bệnh ở heo, gà và bò. Nhìn chung, năng lực về chẩn đoán bệnh gia cầm cũng như mổ khám gà của các thú y viên còn hạn chế. Mối lo ngại lại tăng lên liên quan đến chẩn đoán phù hợp về Cúm gia cầm.
- Đào tạo nông hộ thành thú y viên ở một số xã và một số thôn không có thú y viên là xác đáng. Tuy nhiên, công tác đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật về lâu dài là cần thiết. Phương pháp tiếp cận sẽ cần phải phù hợp với trình độ ngôn ngữ, khả năng đọc viết và học vấn ở một số xã dân tộc thiểu số miền núi. Bất kỳ tiếp cận nào như vậy nhằm cải thiện các dịch vụ thú y thông qua đào tạo nông hộ hành nghề như thú y viên phải đi từ tiếp cận về sinh lý học vật nuôi cơ bản, các biện pháp phòng bệnh đơn giản và tiêm phòng.

Các hạn định

URS Australia Pty Ltd (URS) soạn thảo báo cáo này để phục vụ cho Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi của AusAID với một sự cẩn trọng và kỹ lưỡng của ngành tư vấn chuyên môn. Nội dung báo cáo này dựa trên những thông lệ và tiêu chuẩn được chấp nhận rộng rãi tại thời điểm nó được soạn thảo. Ngoài ra, không có một đặc quyền nào khác, dù là thành văn hoặc ẩn ý, được dẫn chiếu làm cơ sở cho nội dung cố vấn chuyên môn được bao hàm trong báo cáo này. Tài liệu báo cáo này được soạn thảo theo đúng lĩnh vực công việc và mục đích đã được hệ thống trong Văn kiện Thiết kế Chương trình.

Hệ phương pháp và các nguồn thông tin được vận dụng và sử dụng bởi URS sẽ được liệt kê trong báo cáo này. URS không thực hiện một sự kiểm chứng độc lập nào đối với những thông tin này ngoài phạm vi các công việc đã được chuẩn y và URS không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự thiếu chuẩn xác hoặc sự bị bỏ sót nào trong các nguồn thông tin. Trong quá trình nghiên cứu tìm hiểu, người viết không tìm thấy một dấu hiệu nào cho thấy thông tin được cung cấp cho URS sử dụng trong báo cáo này là không đúng thực tế.

Báo cáo này được thực hiện trong thời gian Tháng 3 & 4/ 2005 và dựa trên các điều kiện và thông tin được xem xét tại thời điểm soạn thảo này. URS khước từ mọi trách nhiệm về bất kỳ những sự thay đổi nào có thể phát sinh sau thời điểm này.

Báo cáo này phải được đọc một cách đầy đủ. Người viết không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự vận dụng từng phần nào trong báo cáo này vào một bối cảnh khác biệt nào đó hoặc phục vụ cho một mục đích nào khác hoặc dùng bởi những bên thứ ba. Báo cáo này không có ý định đưa ra sự cố vấn về pháp lý. Cố vấn pháp lý chỉ có thể cung cấp bởi những bên hành nghề pháp lý chuyên môn.

Phụ lục 1: Lược đồ năng lực thú y viên

Bảng 6: Lược đồ năng lực thú y viên: Tỉnh Quảng Ngãi

Vai trò và trách nhiệm	Yêu cầu chung	Kiến thức thú y cơ bản	Bệnh ở gia cầm		Bệnh ở lợn		Bệnh ở trâu/bò		Bệnh ở dê	Kỹ năng khác
Tiếp xúc trực tiếp người chăn nuôi, chẩn đoán và điều trị vật nuôi bị bệnh	Có đạo đức nghề nghiệp	Các nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi	Chẩn đoán, phòng và trị các bệnh: (1) Tụ huyết trùng gia cầm, (2) Thương hàn gà	Kỹ năng quan sát phát hiện gia cầm bệnh	Chẩn đoán, phòng và trị các bệnh: (1) Tụ huyết trùng lợn, (2) Phó thương hàn lợn, (3) Đóng đầu lợn, (4) Lợn Nghệ, (5) Tiêu chảy ở lợn con do E. coli, (6) Bai liệt ở lợn nái	Phương pháp cố định lợn	Chẩn đoán, phòng và trị bệnh: (1) Tụ huyết trùng trâu bò	Phương pháp cố định trâu bò	Chẩn đoán và phòng các bệnh: (1) Tiêu chảy ở dê, (2) Nám ngoài da	Thiên hoạn
Tham mưu cho chính quyền (UBND xã/ huyện) và trực tiếp tham gia các đợt tiêm phòng, chống dịch	Nắm được Pháp lệnh Thú y, Pháp lệnh Giống vật nuôi	Các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi	Chẩn đoán và phòng các bệnh: (3) Gà rù, (4) Gumboro, (5) Cúm gia cầm, (6) Đậu gà, (7) Dịch tả vịt, (8) Viêm gan do vi rút ở vịt	Cách mổ khám xác định bệnh tích gia cầm	Chẩn đoán và phòng các bệnh: (7) Dịch tả lợn, (8) Lở mồm long móng, (9) Suyễn lợn, (10) Phù đầu ở lợn, (11) Hội chứng tiêu chảy ở lợn con	Mổ khám xác định bệnh tích ở lợn	Chẩn đoán và phòng các bệnh: (2) Lở mồm long móng, (3) Chướng hơi dạ cỏ, (4) Bội thực dạ cỏ, (5) Loét da quần tai, (6) Viêm ruột tiêu chảy ở trâu bò, (7) Ngộ độc mì	Cách khám bệnh trâu bò	Chẩn đoán và phòng các bệnh: (3) Lở mồm long móng, (4) Lở mép ở dê	Thu tinh nhân tạo cho lợn, bò
Tham gia kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y theo hướng dẫn của CCTY		Kỹ năng chẩn đoán bệnh		Kỹ thuật cho gia cầm uống thuốc, tiêm bắp và tiêm dưới da		Kỹ thuật cho lợn uống thuốc, tiêm bắp và tiêm dưới da		Kỹ thuật cho trâu bò uống thuốc, tiêm bắp và tiêm dưới da		Xử lý vết thương, áp xe

Vai trò và trách nhiệm	Yêu cầu chung	Kiến thức thú y cơ bản	Bệnh ở gia cầm	Bệnh ở lợn	Bệnh ở trâu/bò	Bệnh ở dê	Kỹ năng khác
Tuyên truyền, hướng dẫn người dân về kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh	Kỹ năng vận động, thuyết phục người dân	Đặc tính, cách bảo quản, vận chuyển và sử dụng một số loại vắc xin					Đỡ đẻ cho lợn, trâu bò
Báo cáo tình hình dịch bệnh ở vật nuôi cho chính quyền xã (UBND), Trạm Thú y huyện	Kỹ năng viết báo cáo	Vệ sinh, sát trùng dụng cụ thú y	Phòng bệnh ký sinh trùng ở gia cầm	Phòng bệnh ký sinh trùng ở lợn	<i>Phòng trị các bệnh ký sinh trùng đường máu, Giun đũa bê nghé, Sán lá gan trâu bò, Ghè</i>		Xử lý phản ứng sau khi tiêm vắc xin
		Cách sử dụng nhiệt kế, bơm và kim tiêm					
		Cách ước lượng trọng lượng vật nuôi					
		Pha và sử dụng thuốc sát trùng					
		Tác dụng dược lý, nguyên tắc sử dụng một số thuốc chữa bệnh					

Phụ lục 2: Hệ phương pháp**Đánh giá năng lực thành thạo Thú y viên⁴***‘Bản câu hỏi đánh giá kiến thức về mặt lý thuyết’***1. Trong các bệnh sau, bệnh nào do Ký sinh trùng (KST), Virút (VR), Vi khuẩn (VK). (1 điểm)**

- Newcastle Disease	VR	- Lợn nghé	VK
- Cúm gia cầm	VR	- Tiêu chảy ở lợn con do E. coli	VK
- Gumboro	VR	- Suyễn lợn	VK
- Tụ huyết trùng gia cầm	VK	- Bại liệt sau đẻ ở lợn nái	-
- Dịch tả vịt	VR	- Lở mồm long móng	VR
- Dịch tả lợn	VR	- Tụ huyết trùng trâu bò	VK
- Phó thương hàn lợn	VK	- Tiên mao trùng	KST
- Đóng dấu lợn	VK	- Sán lá gan trâu bò	KST
- Tụ huyết trùng lợn	VK	- Giun đũa bê nghé	KST
- Lợn gạo	KST	- Nhiệt thán	VK

*@ Hướng dẫn cho điểm: mỗi ý nhỏ 0.1 điểm; đúng cả được 1 điểm***2. Các nguyên nhân thông thường gây bệnh tiêu chảy ở lợn con? (1 điểm)**

- Thức ăn cho lợn mẹ: **thiếu, không cân đối**
- Thức ăn cho lợn con: **thiếu sữa, khoáng (Fe), thay đổi đột ngột**
- Nước uống: **thiếu, bẩn**
- Chuồng nuôi: **bẩn, nền ẩm, có gió lùa**
- Thời tiết: **quá nóng, lạnh, ẩm**

*@ Hướng dẫn cho điểm: mỗi ý nhỏ 0.2 điểm; tổng 1 điểm*⁴ Đưa ra hướng dẫn cho điểm và các đáp án đúng được nêu rõ.

3. Thế nào là “thời gian ủ bệnh”? Trong “thời gian ủ bệnh”, vật nuôi có biểu hiện như thế nào? (1 điểm)

- Nêu rõ khái niệm về ủ bệnh
- Khẳng định trong thời gian ủ bệnh, vật nuôi chưa thể hiện triệu chứng

@ Hướng dẫn cho điểm: mỗi ý nhỏ 0.5 điểm; tổng 1 điểm

4. Sát trùng các dụng cụ sau như thế nào (panh, kéo, bơm và kim tiêm)?

(đánh dấu vào các ô có câu trả lời đúng) (1 điểm)

Rửa bằng nước sạch

R Luộc sôi trong 30 phút

Luộc sôi trong 15 phút

Sát trùng bằng Formol

Trung nước sôi

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 1 điểm; sai bị trừ 0.25 điểm/ý nhỏ

5. Sát trùng chuồng trại bằng cách nào? (đánh dấu vào các ô có câu trả lời đúng) (1 điểm)

R Dùng nước vôi đặc

Phun rửa bằng vòi nước mạnh

R Dùng Chloramin 2%

R Dùng Formol 2-5%

R Dùng BKA 1-2%

Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.25 điểm/ý; sai trừ 0.25 điểm/ý

6. Mục đích của việc dùng vắc xin? (đánh dấu vào các ô có câu trả lời đúng) (1 điểm)

Để chữa bệnh

R Để phòng bệnh

Để kích thích vật nuôi lớn nhanh

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 1 điểm; sai trừ 0.25 điểm/ý

7. Bảo quản và vận chuyển vắc xin như thế nào là đúng? (đánh dấu vào các ô có câu trả lời đúng) (1 điểm)

R Bảo quản trong ngăn lạnh ở 2-8 °C

Bảo quản trong ngăn đá của tủ lạnh

R Vận chuyển trong hộp có đá lạnh

Vận chuyển trong hộp không có đá lạnh

Đề trên giá cùng với các loại thuốc khác

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.5 điểm/ý; sai trừ 0.3 điểm/ý

8. Có nên dùng cồn để sát trùng bơm và kim tiêm trước khi dùng để tiêm vắc xin không? (1 điểm)

Có

Không **R**

Tại sao? **Còn sẽ làm hỏng vắc xin.**

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.3 điểm; giải thích đúng được 0.7 điểm; tổng 1 điểm

9. Hãy cho biết thân nhiệt bình thường của các loại vật nuôi sau: (1 điểm)

- Trâu: **38.0 - 38.5 °C**
- Bò: **38.0 - 39.0 °C**
- Heo lớn: **38.5 - 39.0 °C**
- Heo con: **39.5 - 39.8 °C**

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.25 điểm/y; tổng 1 điểm

10. Để chẩn đoán đúng bệnh cho vật nuôi, cần phải làm gì? (đánh dấu **Ö vào các ô có câu trả lời đúng) (1 điểm)**

R Hỏi chủ vật nuôi các thông tin về con vật bệnh

Hỏi giá trị vật nuôi

R Quan sát con vật bệnh

R Đo thân nhiệt con vật

Tiêm kháng sinh ngay lập tức

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.3 điểm/y; đúng hết được 1 điểm; sai bị trừ 0.3 điểm/y

11. a) Nêu các triệu chứng điển hình của bệnh Dịch tả lợn

(đánh dấu **Ö** vào các ô có đáp án đúng) (0.5 điểm)

Thở bình thường

R Xuất huyết như muỗi đốt ở vùng da mỏng

Phù hầu, sưng mắt

R Tiêu chảy phân lỏng, có mùi tanh khắm

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.25 điểm/y; sai trừ 0.25 điểm/y

b) Nêu các bệnh tích điển hình của bệnh Dịch tả lợn

(đánh dấu **Ö** vào các ô có đáp án đúng) (0.5 điểm)

Lách sưng to ở giữa, màu tím tái, cắt dai như cao su

R Loét hình cốc áo ở van hồi manh tràng, ruột già

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.5 điểm; sai trừ 0.5 điểm

12. a) Nêu đặc điểm và triệu chứng của bệnh Newcastle

(đánh dấu **Ö** vào các ô có đáp án đúng) (0.5 điểm)

Lây lan rất nhanh, gây chết nhiều gà, vịt, ngan, ngỗng

R Tiêu chảy phân trắng - xanh

R Thở rất khó

Sung phù đầu, mào, tích

@ *Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.25 điểm/s; sai trừ 0.25 điểm/s*

b) **Nêu các bệnh tích điển hình của bệnh Newcastle (đánh dấu \checkmark vào các ô có đáp án đúng) (0.5 điểm)**

Xuất huyết dưới da chân, kẽ ngón chân

R Xuất huyết trên các lỗ tuyến của dạ dày tuyến

R Ruột xuất huyết, có các nốt loét

@ *Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.25 điểm/s; sai trừ 0.25 điểm/s*

13. a) **Nêu đặc điểm và triệu chứng của bệnh Tiên mao trùng trâu bò (đánh dấu \checkmark vào các ô có đáp án đúng) (0.5 điểm)**

Do một loại vi khuẩn gây ra

R Bệnh thường tiến triển chậm

Sốt cao liên tục trong nhiều ngày

R Con vật gầy, niêm mạc nhợt nhạt

@ *Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.25 điểm/s; sai trừ 0.25 điểm/s*

b) **Nêu tên thuốc dùng để điều trị bệnh Tiên mao trùng trâu bò (đánh dấu \checkmark vào các ô có đáp án đúng) (0.5 điểm)**

Ampicillin

R Azidin

Levamisol

R Trypamidium

@ *Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.25 điểm/s; sai trừ 0.25 điểm/s*

14. **Kháng sinh dùng để làm gì? (đánh dấu \checkmark vào các ô có đáp án đúng) (1 điểm)**

Để phòng bệnh

Để chữa bệnh do vi rút

R Để chữa bệnh do vi khuẩn

Để chữa bệnh do ký sinh trùng

@ *Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 1 điểm; sai trừ 0.3 điểm/s*

15. **Dùng kháng sinh để chữa bệnh trong thời gian ít nhất là?**

(đánh dấu \checkmark vào các ô có đáp án đúng) (1 điểm)

1 ngày

2 ngày

R 3 ngày

1 tuần

@ *Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 1 điểm; sai bị trừ 0,3 điểm/s*

16. Trong các loại thuốc sau, thuốc nào là kháng sinh (KS), thuốc nào dùng để trị ký sinh trùng (KST) (1 điểm)

Penicillin	KS	Analgin		Tetracyclin	KS
Levamisol	KST	Streptomycin	KS	Calmaphos	
Dextran-Fe		Trypamidium	KST	Dexamethasone	

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.2 điểm/y; sai bị trừ 0,2 điểm/y

17. Khi dùng kháng sinh để chữa bệnh cho vật nuôi, cần phải chú ý những điều gì? (đánh dấu vào các ô có đáp án đúng) (1 điểm)

R Trọng lượng gia súc

R Tuổi

Tính biệt

Dùng liều tăng dần

Phối hợp ít nhất 3 loại kháng sinh

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.5 điểm/y; sai bị trừ 0.3 điểm/y

18. Tiêm sắt (Dextran Fe) cho lợn con để làm gì? (1 điểm)

Để chống thiếu máu cho lợn con.

@ Hướng dẫn cho điểm: 0.5 điểm

Thường tiêm ở lứa tuổi nào? 3 và 10 ngày tuổi

@ Hướng dẫn cho điểm: 0.5 điểm

19. Nguyên nhân tiêm chủng vắc xin nhưng không hiệu quả?

(đánh dấu vào các ô có đáp án đúng) (1 điểm)

R Do bảo quản, vận chuyển không đúng kỹ thuật

R Do dùng vắc xin quá hạn

R Do dùng kim tiêm quá ngắn để tiêm bắp

R Do tiêm vắc xin trong thời gian con vật đang ủ bệnh

R Do dùng vắc xin không đủ liều

Do dùng vắc xin cho động vật không đúng với giới tính

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.2 điểm/y; sai bị trừ 0.2 điểm/y

20. Những điều sau đây là đúng hay sai? (đánh dấu vào các ô có đáp án đúng)

(1 điểm)

R Phòng bệnh hơn chữa bệnh

Sau khi khám một đàn lợn bị bệnh Dịch tả, không cần thiết phải vệ sinh tay và giày dép trước khi đến thăm đàn lợn của các gia đình khác

R Dùng kháng sinh không thể chữa được bệnh cúm gia cầm

Không nên cho bê nghé bú sữa đầu

Không cho lợn con uống nước khi đã bị tiêu chảy

@ Hướng dẫn cho điểm: trả lời đúng được 0.5 điểm/y; sai bị trừ 0.3 điểm/y

'Nội dung và phương pháp đánh giá kỹ năng thực hành'

1. **Kỹ năng hỏi chủ vật nuôi các thông tin về con vật bệnh (1.5 điểm)**
 - Cán bộ đánh giá nêu tình huống: một hộ có một đàn gà, một vài con lợn hoặc một con trâu/bò bị bệnh nên đã mời một thú y viên đến giúp.
 - Cán bộ đánh giá đóng vai chủ vật nuôi và yêu cầu thú y viên đó đưa ra các câu hỏi mà TYV đó có thể hỏi để có được thông tin về con vật bệnh.

2. **Kỹ năng sử dụng nhiệt kế (1.5 điểm)**
 - Chuẩn bị: một nhiệt kế (có thể đặt sẵn ở mức trên thân nhiệt bình thường của vật nuôi)
 - Yêu cầu thú y viên:
 - Trình bày cách sử dụng (cho lợn, trâu/bò).
 - Đọc chỉ số trên nhiệt kế.
 - Cán bộ đánh giá đưa ra các mức thân nhiệt khác nhau của từng loại vật nuôi rồi yêu cầu TYV kết luận xem như vậy có bị sốt hay không.

3. **Kỹ năng sử dụng bơm và kim tiêm (1.5 điểm)**
 - Chuẩn bị: một bơm tiêm (kim loại), kim tiêm các cỡ, nước cất ống 5 ml, panh.
 - Yêu cầu thú y viên:
 - Tháo ra rồi lắp lại. Kiểm tra độ khít
 - Lấy thuốc (thay bằng nước cất).
 - Nêu vị trí tiêm bắp, dưới da cho gà, lợn, trâu bò (nếu có điều kiện, yêu cầu TYV chỉ vị trí tiêm trên con vật sống).
 - Cách sát trùng bơm và kim tiêm.

4. **Kỹ năng tính toán, pha và sử dụng thuốc sát trùng (1.5 điểm)**
 - Chuẩn bị: Một lọ thuốc sát trùng BKA lọ 100 ml, một bình phun dung tích 8-10 lít, một xô nước.
 - Yêu cầu TYV:
 - Tính toán pha 5 lít BKA dung dịch 1%.
 - Trình diễn cách pha và phun thuốc.

@ Có thể kiểm tra hiểu biết của TYV về các loại thuốc sát trùng khác!

5. **Hiểu biết về một số loại thuốc thường dùng trong điều trị (1.5 điểm)**
 - Chuẩn bị: Một số loại thuốc kháng sinh (Penicillin, Streptomycin, Ampicillin, Tylosin...) dạng bột, lỏng, phối hợp; một số thuốc trị ký sinh trùng (Tayzu, Azidin, Dertil-B...); vitamin, khoáng, điện giải.
 - Yêu cầu TYV:
 - Phân loại thành các nhóm
 - Nêu tác dụng chính.
 - Cán bộ đánh giá đưa ra các tình huống sau rồi yêu cầu TYV trả lời:
 - Làm thế nào để đảm bảo sử dụng đúng liều lượng thuốc Tayzu (gói 4 gam) để tẩy giun cho gà của một gia đình gồm cả gà lớn và gà con?
 - Làm thế nào để đảm bảo sử dụng đúng liều lượng thuốc Penicillin (lọ 1 triệu đơn vị) để chữa cho một con lợn mắc bệnh Đóng dấu lợn?

- Làm thế nào để đảm bảo sử dụng đúng liều lượng thuốc Streptomycin (lọ 1 gam) để chữa cho một con bò mắc bệnh Tụ huyết trùng?
- 6. Hiểu biết về vắc xin nhược độc và vắc xin vô hoạt (1.5 điểm)**
- Chuẩn bị: Một số vắc xin nhược độc (Lasota, Hog Cholera...) và vắc xin vô hoạt (Tụ huyết trùng trâu bò).
 - Yêu cầu TYV trình bày:
 - Cách pha: với bao nhiêu nước cất/nước sinh lý NaCl 0.9%?
 - Cách dùng: nhỏ mắt, mũi hay tiêm bắp/dưới da?
 - Cách bảo quản, vận chuyển từng loại vắc xin.
- 7. Kỹ năng dùng thuốc cho vật nuôi qua đường tiêu hóa (1.5 điểm)**
- Chuẩn bị: một gói thuốc ở dạng bột (Tayzu...) và một số thuốc dạng viên (Dertil-B...)
 - Yêu cầu thú y viên:
 - Trộn một lượng nhỏ thuốc dạng bột vào thức ăn cho gà, lợn.
 - Hòa thuốc bột vào nước uống cho gà.
 - Cho gà, lợn, trâu bò uống thuốc ở dạng viên và dạng lỏng.
- 8. Hiểu biết về một số bệnh quan trọng ở gà (2 điểm)**
- Chuẩn bị: một số ảnh màu (cỡ 20x30 cm) về triệu chứng, bệnh tích của một số bệnh quan trọng ở gia cầm như Newcastle, Gumboro, Cúm gia cầm...
 - Yêu cầu TYV:
 - Nhận xét về bức ảnh (cho biết thuộc nội tạng gì? Gặp trong bệnh nào?)
 - Có thể nhầm lẫn với những bệnh nào? Cách phân biệt?
- 9. Hiểu biết về một số bệnh quan trọng ở lợn (2 điểm)**
- Chuẩn bị: một số ảnh màu (cỡ 20x30 cm) về triệu chứng, bệnh tích của một số bệnh quan trọng ở lợn như: Dịch tả lợn, Đóng dấu lợn, Tụ huyết trùng lợn, Lợn nghê, Lợn gạo, Giun đũa ruột lợn...
 - Yêu cầu TYV:
 - Nhận xét về bức ảnh (cho biết thuộc nội tạng gì? Gặp trong bệnh nào?)
 - Có thể nhầm lẫn với những bệnh nào? Cách phân biệt?
- 10. Hiểu biết về một số bệnh ở trâu bò (2 điểm)**
- Chuẩn bị: một số ảnh màu (cỡ 20x30 cm) về triệu chứng, bệnh tích của một số bệnh ở trâu bò như: Lở mồm long móng, Tụ huyết trùng trâu bò, Nhiệt thán...
 - Yêu cầu thú y viên:
 - Nhận xét về bức ảnh (cho biết thuộc nội tạng gì? Gặp trong bệnh nào?)
 - Có thể nhầm lẫn với những bệnh nào? Cách phân biệt?
- 11. Kỹ năng viết báo cáo (1.5 điểm)**
- Chuẩn bị: một số biểu mẫu báo cáo (về tình hình dịch bệnh trong xã, báo cáo tiêm phòng...)
 - Yêu cầu TYV:
 - Giải thích một số mục có trong báo cáo.
 - Nêu rõ cách thu thập số liệu (với vai trò là TYV/ Trưởng Ban thú y xã)?
 - Điền các thông tin vào báo cáo.

12. Kỹ năng mổ khám gia cầm (2 điểm)

- Chuẩn bị: một con gà/vịt, kéo, dao mổ, panh gấp, khay mổ, nước.
- Yêu cầu TYV:
 - Trình diễn cách mổ khám.
 - Chỉ ra các cơ quan nội tạng.
 - Mô tả một số bệnh tích có thể gặp.

Phụ lục 3: Đề cương khoá TOT về Đánh giá năng lực thú y viên

Bảng 7: Đề cương khóa TOT về Đánh giá năng lực thú y viên

Thời gian	Nội dung	Trách nhiệm
Ngày thứ 1		
08.00 – 08.15	Phần mở đầu	RUDEP
08.15 – 08.30	Các hoạt động CCTY phối hợp với RUDEP cùng thực hiện	CCTY
08.30 – 08.50	Ý nghĩa của Lược đồ năng lực thú y viên	RUDEP
08.50 – 09.10	Kết quả từ hội thảo về Lược đồ năng lực thú y viên (29/4/ 2004)	Cán bộ tập huấn
09.10 – 09.30	Giải lao	
09.30 – 11.30	Thảo luận về nội dung Lược đồ năng lực thú y viên	Tất cả thành viên
13.30 – 14.30	Phần trình bày của các nhóm	Tất cả thành viên
14.30 – 15.00	Thảo luận chung	Tất cả thành viên
15.00 – 15.15	Giải lao	
15.15 – 16.30	Thảo luận chung (tt)	Tất cả thành viên
Ngày thứ 2		
08.00 – 08.30	Dự thảo nội dung đánh giá kiến thức lý thuyết của các thú y viên	Cán bộ tập huấn
08.30 – 09.00	Thảo luận nhóm	Tất cả thành viên
09.00 – 09.30	Phần trình bày của các nhóm	Tất cả thành viên
09.30 – 09.45	Giải lao	
09.45 – 10.30	Thảo luận chung	Tất cả thành viên
10.30 – 11.30	Phương pháp đánh giá kiến thức lý thuyết của các thú y viên	Tất cả thành viên
13.30 – 13.50	Thảo luận chung về các kỹ năng thực hành khả thi	Tất cả thành viên
13.50 – 14.10	Dự thảo nội dung đánh giá kỹ năng thực hành của các thú y viên	Cán bộ tập huấn
14.10 – 15.00	Thảo luận chung	Tất cả thành viên
15.00 – 15.15	Giải lao	
15.15 – 16.05	Phương pháp đánh giá	Tất cả thành viên
16.05 – 16.30	Tổng kết	Cán bộ tập huấn

Phụ lục 4: Đề cương đánh giá sơ bộ các dịch vụ thú y

Lịch thời vụ:

- Hướng dẫn các thành viên tham dự cuộc họp thực hiện Lịch thời vụ về tình hình dịch bệnh vật nuôi.
- Sau khi hoàn thành Lịch thời vụ, xác định thời điểm và các loại vật nuôi chính yếu khi dịch bệnh xảy ra.
- Khi đã thống nhất về sự xảy ra theo thời vụ đối với tất cả các dịch bệnh ở vật nuôi, làm rõ các dịch bệnh chính và thảo luận về:
 - Sự lây lan được ước tính;
 - Tỷ lệ tử vong/mắc bệnh;
 - Các triệu chứng của bệnh;
 - Thời gian và tần số lây nhiễm;
 - Các phương pháp được sử dụng để phòng/trị bệnh.
- Khi các dịch bệnh chính đã được làm rõ và các thông tin bổ sung cần thiết được ghi chép, yêu cầu các thành viên thảo luận về loại dịch bệnh được xem là quan trọng nhất (và nêu lý do *Tại sao*).

Cây Vấn đề - Nguyên nhân – Tác động – Giải pháp

- Đặt ở giữa tờ giấy A0 một thẻ màu có dòng chữ ‘Dịch bệnh vật nuôi’ được ghi rõ trên thẻ - đây chính là vấn đề sẽ được phân tích.
- Hỏi các thành viên về một số ‘Nguyên nhân’ gây ra dịch bệnh tại xã. Đối với mỗi ‘Nguyên nhân’ được làm rõ và thống nhất, viết ‘Nguyên nhân’ này lên một tấm thẻ màu - ‘Thẻ nguyên nhân’ và đặt tấm thẻ phía trên thẻ ‘Dịch bệnh vật nuôi’. Vẽ một mũi tên để chỉ ra mối liên kết với thẻ ‘Dịch bệnh vật nuôi’.
- Mỗi ‘Thẻ nguyên nhân’ có thể do nhiều yếu tố cấu thành – do đó, mỗi ‘Thẻ nguyên nhân’ nên được thảo luận để xem liệu có yếu tố cấu thành nào đối với vấn đề này. Việc này sẽ giúp hình thành nên ‘Cây nguyên nhân’ chỉ rõ mối liên quan giữa các vấn đề khác nhau và các nguyên nhân có liên quan.
- Hỏi các thành viên ‘Các tác động của dịch bệnh vật nuôi?’. Viết mỗi tác động lên một thẻ - ‘thẻ ghi tác động’ (thẻ này có màu khác với màu của ‘các thẻ ghi nguyên nhân’). Dán từng thẻ ghi tác động phía dưới vấn đề và vẽ mũi tên chỉ mối liên quan với vấn đề và các ‘thẻ ghi tác động’ khác.
- Mỗi ‘Thẻ ghi tác động’ có thể có nhiều yếu tố phụ - do đó, nên thảo luận từng ‘Thẻ tác động’ để xem liệu có các hệ quả theo sau hay không. Việc này sẽ giúp hình thành nên ‘Cây các tác động’ chỉ ra mối liên quan giữa các tác động và hệ quả khác nhau.
- Hỏi các thành viên về các hoạt động có thể được thực hiện nhằm giải quyết Nguyên nhân của ‘Dịch bệnh vật nuôi’ tại xã.
- Ghi mỗi giải pháp hoặc hoạt động lên một thẻ - ‘Thẻ giải pháp’ (thẻ này có màu khác với màu của thẻ ghi nguyên nhân và thẻ ghi tác động). Đặt các thẻ ghi giải pháp lên trên đỉnh của ‘thẻ nguyên nhân’ và vấn đề mà giải pháp này sẽ giải quyết được.

- Sau khi tất cả các giải pháp có thể đã được đưa ra, đảm bảo chúng được ghi chép lại và dễ nhìn – vì các thông tin này cần cho công việc tiếp theo.

Phân tích Bảng đánh giá các phương án xây dựng các dịch vụ thú y tại xã

- Ghi lại các phương án ('Giải pháp') được xác định thông qua Cây Vấn đề - Nguyên nhân – Tác động – Giải pháp và đưa các phương án này vào Bảng đánh giá được trình bày dưới đây.
- Các tiêu chí được đưa vào dòng trên cùng và được giải thích rõ và nhắc lại cho các thành viên nhằm đảm bảo các thành viên có thể hiểu được. Mục đích của công tác này là nhằm tiến hành đánh giá sơ bộ về tính khả thi và tính bền vững của các phương án được đề xuất.
- Đối với mỗi hoạt động đã xác định, đánh giá:
 - Các hoạt động cụ thể liên quan;
 - Lợi ích và các đầu ra/kết quả nhận thấy được;
 - Đối tượng hưởng lợi và sử dụng trực tiếp;
 - Các rủi ro liên quan (tính bền vững, sự tiếp cận, tính sẵn có, ứng dụng, v.v...);
 - Tính bền vững (*các đầu ra của hoạt động sẽ bền vững hay không*);
 - Tính khả thi (*đánh giá các nguồn cần thiết, tính bền vững và rủi ro để thảo luận và xếp hạng tính khả thi của các hoạt động*).
- Thảo luận các kết quả cuối cùng, phác thảo một số phương án được đưa ra và những gì cần thiết để các hoạt động được bền vững.

Phụ lục 5: Kết quả đánh giá năng lực thành thạo thú y viên**Bảng 8: Kết quả đánh giá năng lực thành thạo; Thú y viên tại 14 xã RUDEP**

Kết quả đánh giá năng lực thành thạo của các thú y viên cơ sở					
Xã	Tổng cộng	Yếu	Đáng quan tâm	Củng cố	Thành thạo
Long Sơn	6	3	2	1	0
Ba Lễ	0	0	0	0	0
Ba Nam	0	0	0	0	0
Sơn Bua	0	0	0	0	0
Nghĩa Sơn	1	0	1	0	0
Trà Hiệp	0	0	0	0	0
Nghĩa Thọ	1	0	1	0	0
Trà Lâm	2	2	0	0	0
Trà Trung	0	0	0	0	0
Trà Lãnh	0	0	0	0	0
Sơn Mua	2	0	2	0	0
Sơn Giang	6	6	0	0	0
Sơn Hải	4	4	0	0	0
Sơn Trung	5	3	2	0	0
Đức Phong	14	4	5	5	0
Tịnh Thọ	3	0	1	2	0
Hành Phước	10	0	6	4	0
Bình Minh	5	0	2	3	0
Phổ Châu	6	0	3	3	0
Tổng cộng	65	22	25	18	0

Bảng 9: Kết quả đánh giá năng lực thực hiện cùng với nông hộ ở 19 xã thuộc RUDEP

Kết quả đánh giá năng lực nông hộ					
Xã	Yếu	Đáng quan tâm	Củng cố	Thành thạo	Tổng cộng
Long Sơn	6	0	0	0	6
Ba Lễ	12	0	0	0	12
Ba Nam	12	0	0	0	12
Sơn Bua	9	0	0	0	9
Nghĩa Sơn	5	0	0	0	5
Trà Hiệp	12	0	0	0	12
Nghĩa Thọ	12	1	0	0	13
Trà Lâm	10	0	0	0	10
Trà Trung	11	0	0	0	11
Trà Lãnh	9	0	0	0	9
Sơn Mua	9	1	0	0	10
Sơn Giang	6	0	0	0	6
Sơn Hải	8	0	0	0	8
Sơn Trung	9	1	0	0	10
Đức Phong	0	0	0	0	0
Tịnh Thọ	6	2	0	0	8
Hành Phước	0	0	0	0	0
Bình Minh	0	4	1	0	5
Phổ Châu	1	3	0	0	4
Tổng cộng	137	12	1	0	150

Bảng 10: Kết quả đánh giá năng lực thành thạo; Phần lý thuyết

Câu hỏi	Chủ đề	Kiến thức và Năng lực đánh giá	Mức năng lực		
			Đồng bằng	Miền núi	Mức chung
Số 1	Nguyên nhân gây bệnh gia súc và gia cầm	Kiến thức về các nguyên nhân gây bệnh hoặc lây nhiễm do vi khuẩn, vi rút và do ký sinh trùng	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 2	Bệnh tiêu chảy ở lợn con	Các thành tố/yếu tố gây bệnh tiêu chảy ở lợn con	Yếu	Yếu	Yếu
Số 3	Thời gian ủ bệnh	Hiểu về khái niệm giai đoạn ủ bệnh	Yếu	Yếu	Yếu
Số 4	Sát trùng các dụng cụ thú y	Biết cách sát trùng các dụng cụ thú y đúng cách và an toàn	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 5	Sát trùng chuồng trại	Phương pháp và cách xử lý đúng về sát trùng chuồng trại	Củng cố	Đáng quan tâm	Đáng quan tâm
Số 6	Mục đích của tiêm phòng vắc xin	Mục đích tiêm vắc xin để phòng bệnh	Củng cố	Đáng quan tâm	Củng cố
Số 7	Bảo quản và vận chuyển vắc xin	Phương pháp đúng về bảo quản và vận chuyển vắc xin	Củng cố	Đáng quan tâm	Củng cố
Số 8	Sử dụng cồn để sát trùng	Dùng cồn để sát trùng bơm/kim tiêm là <u>sai</u>	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 9	Thân nhiệt	Thân nhiệt bình thường của trâu, bò, heo và gà	Yếu	Yếu	Yếu
Số 10	Chẩn đoán sơ bộ vật nuôi bị bệnh	Hỏi chủ hộ, quan sát con vật và đo thân nhiệt con vật	Củng cố	Yếu	Đáng quan tâm
Số 11	Dịch tả lợn	Triệu chứng lâm sàng và bệnh tích của bệnh Dịch tả lợn	Củng cố	Yếu	Đáng quan tâm
Số 12	Bệnh Newcastle	Triệu chứng lâm sàng và bệnh tích của bệnh Newcastle	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 13	Bệnh Tiên mao trùng trâu bò	Triệu chứng lâm sàng và cách điều trị bệnh Tiên mao trùng	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 14	Thuốc kháng sinh	Mục đích của việc sử dụng kháng sinh	Củng cố	Yếu	Đáng quan tâm
Số 15	Thuốc kháng sinh	Thời gian điều trị bằng kháng sinh	Củng cố	Yếu	Đáng quan tâm
Số 16	Thuốc kháng sinh và thuốc trị ký sinh trùng	Sử dụng đúng thuốc kháng sinh và thuốc trị ký sinh trùng	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 17	Thuốc kháng sinh	Dựa vào trọng lượng và độ tuổi con vật để xác định liều dùng	Củng cố	Yếu	Đáng quan tâm
Số 18	Tiêm sắt cho lợn con	Mục đích và độ tuổi tiêm sắt	Yếu	Yếu	Yếu
Số 19	Vắc xin	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng vắc xin	Củng cố	Yếu	Đáng quan tâm
Số 20	Câu hỏi đúng/sai	5 ý (đúng/sai)	Củng cố	Yếu	Đáng quan tâm

Bảng 11: Kết quả đánh giá năng lực; Phần thực hành

Câu hỏi	Chủ đề	Kỹ năng và Năng lực đánh giá	Mức năng lực		
			Đồng bằng	Miền núi	Mức chung
Số 1	Chẩn đoán sơ bộ về bệnh	Các câu hỏi đúng dùng để hỏi chủ vật nuôi thông tin để chẩn đoán và nắm vấn đề bệnh tình của con vật	Củng cố	Yếu	Đáng quan tâm
Số 2	Sử dụng nhiệt kế	Cách sử dụng nhiệt kế đúng và kiến thức về sốt ở các loại vật nuôi khác nhau	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 3	Bơm và kim tiêm	Kỹ thuật lắp ráp bơm/kim tiêm, vị trí tiêm (tiêm bắp, tiêm dưới da cho gà, lợn, trâu bò) và cách vệ sinh/sát trùng	Củng cố	Đáng quan tâm	Đáng quan tâm
Số 4	Thuốc sát trùng	Tính toán và pha thuốc sát trùng	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 5	Thuốc điều trị	Cách dùng thuốc và liều lượng dùng đối với thuốc trị ký sinh trùng và thuốc kháng sinh theo tình huống	Đáng quan tâm	Yếu	Yếu
Số 6	Vắc xin	Kiến thức về vắc xin nhược độc, vắc xin vô hoạt và vị trí dùng đúng, liều lượng	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 7	Dùng thuốc qua đường tiêu hoá	Chuẩn bị và thực hiện cho vật nuôi dùng vắc xin và thuốc điều trị qua đường tiêu hoá	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 8	Các bệnh ở gà	Hiểu biết về các dấu hiệu trực quan các bệnh ở gà (bệnh Newcastle, Gumbaro, cúm gia cầm, ...)	Đáng quan tâm	Yếu	Yếu
Số 9	Các bệnh ở lợn	Hiểu biết về các dấu hiệu trực quan các bệnh ở lợn (Dịch tả lợn, Phó thương hàn, Đóng dấu lợn, Tụ huyết trùng, Lợn nghệ,...)	Đáng quan tâm	Yếu	Đáng quan tâm
Số 10	Các bệnh ở trâu/bò	Hiểu biết về các dấu hiệu trực quan các bệnh ở trâu bò (Lở mồm long móng, Tụ huyết trùng, Nhiệt thán....)	Đáng quan tâm	Yếu	Yếu
Số 11	Báo cáo	Thu thập thông tin, hiểu được các biểu mẫu báo cáo và tổng hợp báo cáo	Yếu	Yếu	Yếu
Số 12	Gia cầm	Mổ khám gia cầm, hiểu biết về các cơ quan nội tạng và vị trí thể hiện các bệnh tích về các bệnh khác nhau	Yếu	Yếu	Yếu